

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH  
TẬP 164

ĐẠI THỪA NHẬP ĐẠO  
THỨ ĐỆ

SỐ 1864

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 1864

## ĐẠI THỪA NHẬP ĐẠO THỨ ĐỆ

*Sọan giả: Sa-môn Trí Châu.*

*Cúi lạy Thiên Điều ngự Vô đấng.  
Năng cứu vớt chìm đắm khổ chết.  
Như tánh tướng “không” chẳng có đi.  
Nếu bóng theo hình, ứng sở hóa.  
Một vị thật tướng, cam lộ mâu.  
Đấng lưu, tám muôn pháp rất sâu.  
Hàng Ba hiền cất hẳn dòng ái.  
Mười địa ruỗi dài con đường chánh.  
Nên ta quy thành thật Tam bảo này.  
Sắp rõ nhập hạnh vị Đại thừa.  
Nguyện pháp hằng sáng giữa đêm dài.  
Hữu tình xua tan lớp tối tăm.*

Muốn thú hưởng cầu Đại Bồ-đề, phải biết hai việc:

- 1- Hạnh vị tu đoạn.
  - 2- Bồ-đề, đối tượng cầu.
- Đầu tiên, lại chia làm hai:
- 1- Nêu giai vị.
  - 2- Kế là nói về vị tu đoạn.
- Kế, lại có ba:
- 1- Nêu ra tên gọi.
  - 2- Giải thích tên gọi.
  - 3- Nêu ra thể.
- Trong phần đầu tiên, lại có hai:

Đầu tiên, là chung, sau là riêng. Chung: Nay, y cứ vào luận Duy thức, Tập Tập, v.v... lược mở ra năm giai vị:

- 1- Vị Tư lương.
  - 2- Vị Gia hạnh.
  - 3- Vị Thông đạt.
  - 4- Vị Tu tập.
  - 5- Vị Cứu cánh.
- Kế là nêu tên riêng.

Ở vị Tư lương đầu tiên có ba mươi tâm, đó là mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng.

- *Nói mười trụ là:*

- 1- Phát tâm trụ.
- 2- Trị địa trụ.
- 3- Tu hành trụ.
- 4- Sinh quý trụ.
- 5- Phương tiện trụ.
- 6- Chánh tâm trụ.
- 7- Bất thối trụ.
- 8- Đồng chân trụ.
- 9- Pháp Vương Tử trụ.
- 10- Quán đảnh trụ.

- *Nói Mười hạnh là:*

- 1- Hoan hỷ hạnh.
- 2- Nhiều ích hạnh.
- 3- Vô nhuế hạnh.
- 4- Vô tận hạnh.
- 5- Ly si loạn hạnh.
- 6- Thiện Hiện hạnh.
- 7- Vô Trước hạnh.
- 8- Tôn trọng hạnh.
- 9- Thiện pháp hạnh.
- 10- Chân thật hạnh.

- *Nói Mười Hồi hướng là:*

- 1- Cứu hộ chúng sinh ly chúng sinh tướng Hồi hướng.
- 2- Bất hoại Hồi hướng.
- 3- Đẳng chư Phật Hồi hướng.
- 4- Chí Nhất Thiết xứ Hồi hướng.
- 5- Vô tận công đức tạng Hồi hướng.

- 6- Tùy thuận Nhất Thiết kiên cố Thiệt Căn Hồi hướng.
- 7- Đẳng tâm tùy thuận Nhất Thiết chúng sinh Hồi hướng.
- 8- Như tướng Hồi hướng
- 9- Vô Phược, Vô Trước giải thoát tâm Hồi hướng.
- 10- Pháp giới Vô lượng Hồi hướng.

- Trong hai vị gia hạnh, lại có bốn vị:

- 1- Vị Noãn
- 2- Vị Đảnh
- 3- Vị Nhẫn
- 4- Vị thế đệ nhất pháp.

- Trong Ba vị Thông đạt, lại có hai hạng:

- 1- Chân kiến đạo
- 2- Tướng kiến đạo.

- Trong Bốn vị Tu tập, lại có mười vị:

- 1- Địa Cực hỷ
- 2- Địa Ly cấu
- 3- Địa Phát quang
- 4- Địa Diêm tuệ
- 5- Địa Nan thắng
- 6- Địa Hiện tiền
- 7- Địa Viễn hành
- 8- Địa Bất Động
- 9- Địa Thiệt Tuệ
- 10- Địa Pháp vân.

Vị Cứu cánh kia, giải thích như trong quả, bắt đầu từ vị Tư lương, sau cùng, là Pháp vân; trải qua ba đại kiếp. Hai vị Tư lương và Gia hạnh là đại kiếp đầu tiên.

Từ vị Không đạt đến Thất địa, sau cùng là kiếp thứ hai. Từ cuối địa thứ tám, địa thứ mười là kiếp thứ ba, thời gian hoàn tất ba kỳ hạnh đầy đủ bốn vị, mới lên quả Bồ-đề cứu cánh.

**1. Giải thích tên gọi:** Đầu tiên, là nói về vị tư lương, trước chung, sau riêng.

Nói chung tư lương: Giúp ích lương thực cho thân mình, gọi là Tư lương. Muốn thú hưởng Bồ-đề, cần phải giúp cho hạnh, địa vị này mới tu, nhập nhân của Phật, gọi là vị Tư lương, nên luận Duy Thức chép: “Vì hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nhằm tu tập các thứ, tư lương cao quý”. Lại, vị này cũng được gọi là Thuận giải thoát phần”.

Nói giải thoát: Cái gọi là Niết-bàn, lia bỏ sự ràng buộc của phiền não, gọi là giải thoát, tức quả, đối tượng mong cầu. Thuận là không trái; thân: nghĩa là nhân, tức đối tượng tu hành không trái với quả; nhân của quả này, gọi là phần giải thoát, nên Duy thức chép: “Vì hữu tình, nên siêng cầu giải thoát. Do đây cũng gọi là thuận với phần giải thoát”.

Tên riêng:

1- Bồ-tát Thập trụ ở đây, mới yên định tâm mình. Đối với hạnh sáu độ, v.v... chưa cao siêu, chỉ được gọi tên là Trụ. Mười Trụ này khác nhau: 1/ Bồ-tát ở địa vị này sáng lập đầu tiên phát tâm đại Bồ-đề, gọi là Phát tâm Trụ.

2- Bồ-tát tịnh trị ba nghiệp bi và có thức, gọi là Trị địa.

3- Bồ-tát tu lý vượt hơn, quán khởi công hạnh cao siêu, gọi là tu hành trụ.

4- Bồ-tát từ chánh giáo của các pháp Thánh mà sinh ra, gọi là Sinh quý trụ.

5- Gốc lành mà Bồ-tát đã tu đều vì cứu giúp hữu tình, gọi là phương tiện cụ túc trụ.

6- Bồ-tát đã nghe, khen ngợi tâm siêng năng, quyết định không lay động, gọi là Chánh tâm Trụ.

7- Bồ-tát nghe nói Tam Bảo ba đời “có”, không, tâm vững chắc không lay chuyển, gọi là Bất Thối trụ.

8- Ba nghiệp của Bồ-tát trong sạch giác ngộ hai thế gian, phân biệt hư ngụy, tiêu biểu không có lỗi, cũng như hạnh trẻ thơ của Niết-bàn, gọi là Đồng chân Trụ.

9- Bồ-tát hiểu chân đế, tục đế, tỏ ngộ pháp của Pháp Vương, sắp có chỗ noi theo, gọi là Pháp vương Tử trụ.

10- Bồ-tát ở vị này, như Thái tử con vua, có khả năng tiếp nhận ngôi vua, vì thực hành công hạnh vượt hơn dần, nên gọi là Quán Đảnh trụ.

**2- Mười hạnh:** ở địa vị này, Bồ-tát thực hành các hạnh cao quý như sáu độ, v.v... nên gọi là Hạnh. Nói mười hạnh là:

1- Bồ-tát ở vị này là vị thí chủ vĩ đại, tất cả có thể xả, cả ba thời gian không có ăn năn, lợi dưỡng, danh dự không mong cầu, thương xót, sinh kính mến pháp, ai thấy cũng đều cung kính, vui mừng, gọi là Hoan hỷ hạnh.

2- Bồ-tát thường giữ tịnh giới, không tiêm nhiễm năm dục, có khả năng khuất phục chúng ma, tất cả chúng sinh, lập giới vô thượng, được

địa bất thối chuyển, gọi là Nhiều ích hạnh.

3- Bồ-tát thường tu nhẫn nhục, khiêm tốn, hạ mình cũng kính, vẻ mặt nhu hòa, ái ngữ, không hại mình, người, giác ngộ thân vắng lặng, oán đối với chủ thể nhẫn, gọi là Vô Nhuế hạnh.

4- Bồ-tát đã nhiều kiếp phải chịu nhiều đau khổ, cầu pháp cứu giúp chúng sinh, niệm niệm không thôi dứt, gọi là Vô tận hạnh.

5- Bồ-tát thường trụ chánh niệm, thường không có tán loạn. Đối với tất cả pháp, cho đến sinh tử nhập trụ, xuất thai, không có si mê, rối loạn, gọi hạnh Vô Si, loạn Hạnh.

6- Bồ-tát khéo nhập nhân, pháp đều không có tánh tướng. Ba nghiệp vắng lặng không có ràng buộc, không có chấp mắc, mà lại không xả tâm cứu độ chúng sinh, có khả năng khéo léo tùy loài hiện ra cứu vớt chúng sinh, gọi là Thiện Hiện hạnh.

7- Bồ-tát trải qua các cõi nhiều như bụi, cúng Phật cầu pháp, truyền ngọn đèn độ sinh, tâm không nhàm chán, nhưng vì vắng lặng quán các pháp, mà đối với tất cả, lòng không có chấp mắc.

8- Bồ-tát tôn trọng gốc lành, pháp trí tuệ, v.v... đều thành tựu, do được các pháp tôn trọng này nên hạnh hai lợi lại thêm tu tập gọi Tôn trọng hạnh.

9- Bồ-tát được các pháp tuệ thiện của bốn môn vô ngại Đà-la-ni, có khả năng vì chúng sinh làm ao trong mát, gìn giữ chánh pháp, chủng tánh Phật không dứt, gọi là Thiện pháp hạnh.

10- Bồ-tát ở vị này đã thành tựu lời nói thành thật bậc nhất. Học lời nói chân thật của Phật ba đời, nói sao làm vậy, làm sao nói vậy. Lời nói tương ứng với hành động, sắc, tâm đều thuận, gọi Chân thật hạnh.

**3- Mười hồi hướng:** Ở vị này xong, hễ có tu hành đều vì hồi hướng, đặt tên là Hồi hướng. Mười Hồi hướng là:

1- Bồ-tát ở vị này thực hành sáu độ, bốn pháp nhiếp, v.v... đều vì cứu giúp, nhiếp hóa tất cả hữu tình, khiến lìa sinh tử, được vui Niết-bàn, gọi là cứu hộ chúng sinh, nhập quán bình đẳng, không thấy oán thân, tướng bình đẳng chúng sinh, gọi là lìa tướng sinh, danh từ Hồi hướng đầu tiên do đây mà lập.

2- Bồ-tát đối với Tam bảo, đã được niềm tin không hư hoại, nhân gìn giữ các việc lành, hồi hướng chúng sinh khiến được thiện, lợi, gọi Bất hoại hồi hướng.

3- Bồ-tát học Phật ba đời, không chấp mắc sinh tử, không lìa Bồ-đề, tu việc hồi hướng, gọi là Đẳng chư Phật Hồi hướng.

4- Khi Bồ-tát tu tập tất cả các gốc lành, do gốc lành kia hồi hướng như thế khiến năng lực công đức của gốc lành này, đến tất cả chỗ Tam bảo, tất cả chỗ chúng sinh, thế giới làm nên các việc lợi ích cúng dường, vì như thực tế, chẳng có chỗ nào không có, gọi là Nhất Thiết xứ hồi hướng.

5- Bồ-tát tu gốc lành ăn năn lỗi lầm, liả tất cả nghiệp chướng, đối với các Như Lai, tất cả chúng sinh đã có gốc lành, đều tùy hỷ, dùng làm gốc lành này đều hồi hướng. Trang nghiêm cõi tịnh của tất cả chư Phật, thường làm Phật sự, dùng phương tiện khéo léo, đủ các công đức, liả các luống dối mà không có đối tượng chấp mắc. Do hồi hướng đã được gốc lành vô tận, nên gọi vô tận tạng công đức Hồi hướng.

6- Bồ-tát dùng nội tài, ngoại, tài thuận theo ý chúng sinh, mà tuệ thí. Thấy các khổ, vì xót thương, dùng thân thay thế an trụ vững chắc công đức tự tại. Do các công đức lành như thế v.v... mà hồi hướng, khiến tất cả chúng sinh được trí tuệ rộng lớn, diệt trừ khổ lớn, gọi là Tùy thuận Nhất Thiết kiên cố Thiện Căn Hồi hướng.

7- Bồ-tát có khả năng tăng trưởng tất cả gốc lành, tu tập năng lực an trụ nhẫn rốt ráo, đóng bít các cửa dẫn đến sự hung ác, liả hẳn điên đảo, không chấp mắc các hành, tất cả gốc lành do đều hồi hướng, vì tất cả chúng sinh tạo ra tạng công đức, che khắp tất cả, cứu vớt ra khỏi sinh tử, khiến được mọi điều lành đều bình đẳng không có khác nhau, gọi là Đẳng Tâm Tùy Thuận Nhất Thiết chúng sinh Hồi hướng.

8- Bồ-tát thành tựu niệm trí, tâm an trụ không lay động, không có đối tượng nương tựa, vắng lặng không tán loạn, không trái với tất cả chánh pháp bình đẳng, trang nghiêm cõi nước, hóa độ chúng sinh, đã tu các điều lành, đều thuận với như tướng mà vì hồi hướng, gọi là như tướng hồi hướng.

9- Gốc lành thuộc về Bồ-tát, liả kiêu hãnh, ngạo mạn, v.v... có ràng buộc chấp mắc, tâm được giải thoát, thực hành hạnh Phổ Hiền, đã tu tập các điều lành không chấp vì mình, kể cả người khác, vì tâm giải thoát không có ràng buộc, vướng mắc, nhằm lợi ích tất cả chúng sinh, gọi là Vô Trước Vô Phược Giải Thoát Tâm Hồi hướng.

10- Bồ-tát ở vị này đã vất bỏ tư lự như bản buộc trên đầu, để tiếp nhận sự thọ ký của Đại pháp sư, dùng pháp thí hóa độ chúng sinh, nghiêm tịnh thế giới. Xuất sinh trí v.v... đều đồng thế giới hư không mà không có hạn lượng thông thường có gốc lành tu về hồi hướng, vì đều là pháp giới bình đẳng, nên gọi là pháp giới vô tận Hồi hướng.

Nghĩa như thế v.v... rộng như Hoa Nghiêm, e rườm rà nên không



giải thích đủ.

Hai mươi chín tâm trước, hoàn toàn phần ít thứ ba mươi mà thuộc về tư lương; phần ít thứ ba mươi mà thuộc về gia hạnh sau.

Hỏi: Đầu tiên của giai vị này có Mười Tín: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, Thí, Giới, Hộ, Nguyễn, Hồi hướng.

Tính ra tâm thì có bốn mươi, vì sao chỉ nói ba mươi tâm ư?

Đáp: Tức Sơ trụ trong Mười trụ ra khỏi, vì sơ phát tâm, nên rất khó ra khỏi, có Thánh giáo nói bốn mươi tâm, biết tức y cứ chung, riêng để nói, về lý, thật sự là ba mươi.

Vì gia hạnh thứ hai cũng chia ra chung, riêng. Chung, là nói gia hạnh, gia công dụng hạnh mà thu hưởng kiến đạo nên gọi là gia hạnh. Vì thế, nên Duy Thức chép: “Vì gần kiến đạo, nên lập danh từ Gia hạnh, tức Gia hạnh này cũng gọi là Thuận quyết trạch phần”.

Nói quyết trạch, Thể tức là trí, quyết định phân biệt với nghi, vì nghi không có quyết định. Trạch: là phân biệt với kiến, vì kiến không lựa chọn. Vì trí khác với kiến kia, nên gọi là quyết trạch. Phần nghĩa là phần chi. Thể quyết trạch này tức là Kiến đạo. Vì là một chi trong bảy chi giác nên gọi là phần. Thuận nghĩa thú hưởng hân hoan, mong cầu.

Trong địa vị Gia hạnh, các gốc lành như Noãn, v.v... hân hoan, mong cầu thú hưởng phần quyết trạch kia, nên các gốc lành như Noãn, v.v... gọi là Thuận quyết trạch, nên Duy thức chép: “Bốn gốc lành này gọi chung là thuận quyết trạch phần. Vì thuận với thu hưởng chân thật quyết trạch phần. Về tên riêng”:

1- Noãn: Bồ-tát ở địa vị này, đầu tiên là được lửa kiến đạo, vì tướng trước, nên gọi là Noãn, nhưng thể kiến đạo có công năng cắt đứt phiền não, như lửa cháy củi, nên dụ cho lửa. Bồ-tát ở địa vị Noãn, chưa được thể lửa, chỉ được tướng lửa, nên gọi là Noãn.

2- Đảnh: Bồ-tát ở địa vị này, dựa vào trí tâm, từ, mà quán sở thủ không, vì công của vị này cùng cực, nên gọi là Đảnh. Đảnh: nghĩa là cùng tốt, như cuối cùng trên đỉnh núi.

3- Nhẫn: nhẫn nghĩa là ẩn khả sự đạt ngộ. Bồ-tát ở địa vị này, biết quên chấp thức và cảnh ngoài tâm mà thể đều không, nên gọi là Nhẫn.

4- Pháp Thế đệ nhất: Bồ-tát ở địa vị này đã được trí, v.v... tất cả thế gian, trong pháp sở hữu, không có pháp nào ở trước pháp này, gọi là Thế đệ nhất.

Vị Thông đạt thứ ba, cũng chia làm hai thứ:

1- Giải thích tên chung. Nói Thông đạt: Nghĩa của chúng hội

thích, trí Vô lậu của Bồ-tát của vị này, vì chứng rõ chân như, nên gọi là Thông Đạt, tức Duy Thức chép: “Gia hạnh Vô gián khi trí này sinh, thể hội nhập chân như, gọi là vị Thông đạt. Vị Thông Đạt này tức là Kiến đạo; Duy thức v.v... chép: “Vị Thông Đạt, nghĩa là kiến đạo mà các Bồ-tát đã trụ, dùng từ kiến đạo, tức trí vô lậu, soi rọi lý, gọi là kiến, nên Duy thức chép: “Đầu tiên, vì soi rọi lý, nên cũng gọi là Kiến đạo; đạo là nghĩa dẫm lên đi đạo; người tu hành bước đi thú hưởng đến quả rốt ráo; hoặc nghĩa vận hành chung, người vận hành chung, vì đến với quả cùng cực, nên gọi là Đạo.

2- Kế là, giải thích tên gọi riêng:

a- Chân kiến đạo: Thể lìa lưỡng đối, gần gũi chứng được lý, vì thực sự dứt được chướng, nên gọi là chân. Lại giải thích: “Chân: là lý; Kiến: trí, trí chứng chân, gọi là đạo chân kiến. Kiến đạo của hai tướng. Tướng: Nghĩa loại giống nhau. Sau chân kiến đạo mà khởi hạnh giải ở đây. Mô phỏng tất cả công năng của chân kiến, không thể chứng lý và dứt chướng, vì giống với chân, nên gọi là chướng kiến.

Vị Tu tập thứ tư cũng triển khai hai thứ:

1- Giải thích tên chung. Bồ-tát ở địa vị này lại tiến tu trí vô phân biệt, vì dứt chướng khác, nên gọi là Tu tập. Duy thức v.v... chép: “Vì dứt chướng khác, chứng đắc chuyển y. Lại, thường tu tập trí vô phân biệt, là do vị này, gọi là Tu tập”.

2- Biểu thị rõ tên riêng. Lại chia làm hai:

Đầu tiên, giải thích tên địa chung; sau, là giải thích về mười hiệu riêng. Vị tu tập này có thể là nghĩa y chỉ, gìn giữ, sinh trưởng, nên gọi là Địa. Duy thức v.v... chép: “Với đối tượng tu hành là sự gìn giữ nương tựa vượt hơn vì kiến được sinh trưởng, nên gọi là Địa”.

Mười hiệu riêng là:

1- Bồ-tát địa vị này bắt đầu nhập Thánh, chứng lý hai “không”, có công năng lợi mình, lợi người, cho nên vui mừng rất lớn”. Cho nên, địa này gọi địa Cực hỷ, Du-già v.v... chép: “Được tâm xuất thế gian chưa từng được, chứng đủ hai không, làm nhiều ích cho mình, cho người, cảm thấy rất vui mừng”.

2- Bồ-tát ở địa vị này, đủ giới thanh tịnh, phá giới mê hoặc, phá giới hoặc pháp, ô nhiễm người tu hành, gọi đó là như bản. Địa này có công năng xả, gọi là địa Ly cấu, nên Du-già v.v... chép: “Xa lìa tất cả sự phạm giới nhỏ nhiệm”.

3- Bồ-tát ở địa này do được định vượt hơn và Bốn thứ tổng trì, giáo pháp mâu nhiệm, dùng tổng trì làm nhân, có công năng sinh khởi ba

tuệ, ba tuệ mà có thể soi rọi pháp thể hiện rõ gọi là ánh sáng. Định của địa này, có công năng khởi ánh sáng tuệ, cho nên địa này gọi là địa Phát quang, nên Du-già v.v... chép: “Làm y chỉ cho vô lượng trí sáng”.

4- Diệt tuệ cao siêu của Bồ-tát địa này, dứt trừ được phiền não, như lửa cháy củi, cho nên, địa này gọi là địa Diêm tuệ, nên Du-già v.v... chép: “Trí đốt các phiền não như ngọn lửa”.

5- Bồ-tát ở địa này có khả năng khiến tục đế có trí phân biệt, mà với trí vô phân biệt của chân đế, đều cùng khởi đồng thời, vì trái với pháp, khiến trong một lúc không trái nhau đều sinh, nên gọi là “nan” Bốn địa trước chưa thể được nay mới được, nên gọi là Thắng, là địa vượt hơn. Vì thế, nên địa này gọi là địa Nan Thắng. Nên Du-già, v.v... nói: “Phương tiện tu tập rất gian nan mới được Tự tại”.

6- Bồ-tát ở địa vị này, khởi được trí cao siêu, quán mười hai duyên, không tạo ra hai hạnh nhiễm, tịnh khác nhau, có trí vượt hơn này, vì hiện sinh khởi, nên địa này gọi địa Hiện Tiên, nên Du-già v.v... chép: “Quán sát các hành. Lại, đối với vô tướng, phần nhiều tu các ý, mới thể hiện ở trước”.

7- Bồ-tát ở địa này, chỉ tu vô tướng không khởi công dụng, hạnh của công dụng, mới dứt bật địa này là vì hạnh vô tướng của địa này, càng xa đối với hạnh thế gian, v.v... của Nhị thừa, nên địa này được gọi là địa Viễn hành, nên Du-già v.v... chép: “Chứng nhập xa tác ý vô tướng không có thiếu, không có xen hở”.

8- Bồ-tát ở địa này và trí vô tướng mâu nhiệm, không bị tất cả công dụng hữu tướng và các phiền não làm chủ nữa, cho nên địa này gọi là Bất động, nên Du-già v.v... chép: “Không bị hiện hành phiền não làm dao động”.

9- Bồ-tát ở địa vị này được trí mâu nhiệm, khéo léo nói pháp đem lại lợi ích cho hàm thức, nên địa này gọi là địa Thiện tuệ, nên Du-già v.v... chép: “Nói pháp tự tại, đạt được vô lượng trí tuệ rộng lớn”.

10- Bồ-tát ở địa này có trí thù thắng, che giấu mọi đức, dứt trừ các chướng, hay khắp pháp thân, nghĩa đồng với mây che lấp hư không mà chứa đựng nước, thế nên địa này gọi là địa Pháp Vân, nên Du-già, v.v... nói: “Thể thô nặng rộng như hư không; pháp thân viên mãn, ví như áng mây lớn có công năng che phủ khắp”.

Vị cứu cánh thứ năm, vì công thành sự xong, nên gọi là cứu cánh, phân biệt với tư lương, v.v... vì công của bốn vị kia chưa hoàn tất, nên cũng phân biệt với Nhị thừa. Đối tượng chứng đắc của Nhị thừa là Bồ-đề, Niết-bàn, vì chẳng phải cao, trội hơn, nên chỉ mỗi mình Phật là

người có khả năng tạo tác thành tựu hoàn toàn, công đức cao hơn cả, nên được gọi là Cứu cánh.

- **Nêu ra thể:** Tánh sâu sắc của hai vị Tư Lương, Gia hạnh này vì đều dùng trí gia hạnh hữu lậu làm thể, khắc tánh với Kiến đạo, dùng hai trí vô lậu Hậu đắc, căn bản làm thể, vì tướng chân dị biệt. Mười địa của vị Tu tập kia đều dùng các pháp công đức hữu vi, vô vi làm tự thể.

Vị cứu cánh: Tức dùng Niết-bàn, Bồ-đề của Như Lai làm thể của mình.

Trên đây, dù nêu ra vị, giải thích tên gọi, nêu ra thể, ba tiết khác nhau, nhưng đều sẽ nói về vị thứ nhất.

Thứ hai, nói về tu đoạn, lại chia làm hai:

1- Nói về hạnh của đối tượng tu.

2- Nói về chướng của đối tượng đoạn.

Trong hạnh tu đầu tiên, lại được chia làm hai: Trước là cảnh, sau là hạnh. Nói cảnh: tức nhiều thứ khác nhau của ba tánh, ba vô tánh v.v... Nay nói lược về cảnh của ba tánh:

Cảnh: Nghĩa là biến kế sở chấp, tánh y tha khởi, tánh viên thành thật, là đối tượng quán của trí, gọi là cảnh, nên luận Nhiếp Đại Thừa gọi là đối tượng nên biết, điều mà người trí nên biết là cảnh.

Hỏi: Ba thứ này được gọi là thể, nghĩa ấy thế nào?.

Đáp: Biến, nghĩa là khắp, Kế là so lường, vì so lường khắp tất cả, nên gọi là biến kế. Tâm hay so lường khắp này, chấp giả đối tất cả pháp năm uẩn, v.v... là ngã, là pháp. Loại ngã, pháp, v.v... đối tượng chấp giả đối này, gọi là sở chấp. Vì pháp sở chấp chỉ có giả danh, không có thật thể của nó, nên Du-già chép: “Gọi là tùy thuộc ở ngôn thuyết, dựa vào danh ngôn giả, mà kiến lập tự tánh; tự tánh tức là tánh ngã, pháp, v.v...”.

Hỏi: Thể tánh của uẩn, v.v... đối tượng duyên, chẳng phải không có, chủ thể chấp vọng tình cũng lại là có, vì sao luận nói rằng: “Gọi là biến kế sở chấp không có tự thể?”.

Đáp: Vì lý duyên sinh của uẩn, v.v... không là thức, chẳng thật có, mà dường như có, chẳng phải ngã, pháp. Không rõ vọng tình, chấp là thật có, chấp là ngã, pháp, mà xa lìa thức, chẳng phải một, khác, v.v... Các lối chấp này lìa thức, ngã, pháp và thật có v.v... nay nói là vô, gọi là biến kế sở chấp, không nói trong thức, không chấp ngang trái có uẩn, v.v... cũng gọi là vô thể, nên Duy thức chép: “Tất cả tâm và tâm sở đều do sức huân tập để biến ra hai phần, vì từ duyên sinh, nên cũng là y tha khởi, biến kế dựa vào y tha này, chấp giả đối quyết định thật

có, thật không, một khác, đều có, không đều có, v.v... hai thứ này, mới gọi là biến kế sở chấp”.

Hỏi: Biến kế sở chấp, thể của nó đã sáng suốt, tâm chủ thể biến kế chưa biết ra sao?

Đáp: Thức thứ bảy hữu lậu, và thức thứ sáu nhiễm; hai thức này chấp giả đối ngã v.v... gọi là chủ thể biến kế, nên Nhiếp luận, v.v... chép: “Vì ý thức gọi là chủ thể biến kế, nên trong thức thứ tám chỉ có hai thức này”.

Hỏi: Thức thứ sáu chấp giả đối duyên tất cả khởi, có thể gọi là biến kế. Thức thứ bảy chỉ duyên thức thứ tám mà khởi chấp, đâu được gọi là biến?

Đáp: Vì thức thứ bảy chấp tâm là loại chấp của thức thứ sáu, nên cũng gọi là biến kế.

Y tha khởi: Y là nương tựa, ủy thác; người khác: là không phải mình. Do dựa vào cái khác, mới được sinh, nên gọi y tha khởi. Khởi: là sinh. Thể là tất cả pháp hữu lậu, tâm vô lậu và tâm sở, năm trần như sắc, v.v... từ nhân duyên sinh, đều gọi là y tha, nên Du-già chép: “Nghĩa là tự tánh đã khởi, từ mọi duyên; Viên thành thật: Viên, là thể viên mãn, nghĩa là khắp; thành là thành tựu, chẳng phải nghĩa sinh diệt, thật là chân thật, chẳng phải nghĩa giả dối sai lầm, chỉ một chân như, đủ ba nghĩa này, gọi là Viên thành thật, nên luận Du-già chép: “Nghĩa là các chân như, đối tượng thực hành của trí Thánh, cảnh giới của trí Thánh. Lại, giải thích: “Vì vô lậu, hữu vi cũng gọi là thành thật, nên Duy thức chép: “Vô lậu, hữu vi, lia điên đảo, được rốt ráo. Dụng vượt hơn khắp, cũng được tên gọi này. Ý này nói rằng: “Vô lậu hữu vi cũng có ba nghĩa, đồng với chân như cũng gọi là Thành thật. Nói lia trái ngược mà là nghĩa thật; pháp nhiễm phiền não, luống dối, điên đảo, không được gọi thật, vì vô lậu thì không như vậy, nên gọi là Thật”.

Nói rốt ráo: Tức là nghĩa thành. Rốt ráo có thể dứt bỏ pháp nhiễm phiền não, vì thành tựu công năng này, nên gọi là Thành. Dụng vượt hơn cùng khắp: là nghĩa viên kia, có công năng dứt khắp các hoặc, vì duyên khắp các cảnh, nên gọi là viên. Vì hữu vi vô lậu của chân như này đều viên thành.

Luận Biên Trung biên quyển 2 cũng chép: “Vì chân như Niết-bàn không có biến đổi, nên gọi là viên thành thật. Hữu vi gồm thân chung tất cả Thánh đạo, đối với cảnh không có điên đảo, cũng gọi là Thành thật”.

Luận Nhiếp Đại thừa cũng gọi vô vi, hữu vi, vô lậu là Viên thành

thật, nên biết thành thật, chung cho hai thứ.

Hỏi: Vì sao luận Du-già chỉ cho rằng như như là thành thật trong năm pháp?

Đáp: Nói về Viên thành thật có hai môn:

1- Môn thường, vô thường, chỉ là thường, gọi là viên thành thật, vì lìa sinh diệt, nên vô thường tức không phải. Vì Du-già y cứ vào thường này, nên dùng như như làm thành thật. Vì thể của chánh trí là pháp sinh, diệt, nên không nhận lấy. Hai môn lậu, vô lậu, chỉ là vô lậu, tức gọi là Thành thật. Vì lìa điên đảo, nên hữu lậu là không đúng, cho nên Trung biên, Nhiếp luận, Duy thức y cứ chung hai môn cũng nhận lấy chánh trí, các pháp vô lậu vì cũng là Viên thành thật, nên không trái nhau, tức thể của biến kế này hoàn toàn không thật có; thể tánh của y tha viên thành là có, nên khế kinh nói: “Hữu vi, vô vi gọi là có; ngã và ngã sở, nói là không; hữu vi, vô vi, y tha, thành thật, ngã và ngã sở là biến kế. Ba tánh có, không cố chấp có thể biết. Quán cảnh biến kế, thể của ngã, pháp không thật có, chỉ có thể khiến biết không sinh chấp lưỡng đối. Quán tánh y tha. Nhiễm, nghĩa là hoặc, nghiệp kể cả quả khổ, cần phải dứt trừ. Tịnh: tức là công hạnh mà tư lương, gia hạnh, kiến đạo, tu đạo đã thực hành, có thể khiến tu tập, quán viên thành thật mà khiến cầu chứng, cảnh khác của ba Vô tánh, v.v... e rườm rà nên không nói”.

Kế là, trong tu hành lại chia làm hai: Đầu tiên, là nói về phát tâm; sau nói về tu hành. Phát tâm lại có hai: đầu tiên, nói về phát tâm; sau, nói về phát nguyện. Người đầu tiên phát tâm, sắp cầu quả đại, thì trước phát tâm Bồ-đề, do phát tâm này, vì ưa thích quả Bồ-đề kia, nên nhờ công năng tu hành, dứt các chướng hoặc, chứng Đại Niết-bàn, nếu tâm không phát, ấy là không ưa thích thú hưởng; sự ưa thích thu hưởng đã không có, thì đâu có tu hành; nếu hạnh đã không tu thì đâu thể dứt chướng; chướng đã không thể dứt thì đâu được Bồ-đề?. Nên kinh Hoa Nghiêm nói: “Đầu tiên của mười Trụ, gọi là phát tâm trụ”. Trụ thứ nhất trong mười tám trụ của kinh, luận Bát-nhã, cũng gọi phát tâm hạnh trụ; Duy thức cũng nói: “Từ phát tâm đại Bồ-đề vững chắc sâu xa, là do ưu tiên thứ nhất, cần phải phát tâm. Vì phát tâm, nên nhập số tăng-kỳ. Về nghĩa phát tâm cứ như các kinh, luận đã nói. Nay lược dùng mười môn để phân biệt”:

- 1- Nói về thể tánh của tâm Bồ-đề.
- 2- Bày ra sở nhân
- 3- Tướng hạnh nguyện
- 4- Nói về Sở duyên.

- 5- Nói về thắng lợi
- 6- Nói về lượng đức
- 7- So sánh hơn, kém
- 8- Nói về thí dụ kia
- 9- Nói về duyên bất thối
- 10- Bày ra sự che chở.

1- *Thế tánh*: Dùng tín, tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh tuệ làm thể, nên Nhiếp luận chép: “Với năng lực tăng thượng thanh tịnh, tâm vững chắc thắng tấn, gọi là Bồ-tát. Đầu tiên, người tu năng lực tăng thượng trong ba vô số đại kiếp, tức là năm thứ như tín, v.v... nên dùng tín v.v... làm tự thể”.

2- *Bày ra sở nhân*. Xét các kinh, luận, nhân không phải là một loại, lược tỏ bày, nên kinh Đại Tập chép: “Chúng sinh thành tựu mười sáu pháp, thì phát được tâm Bồ-đề”:

- 1- Thường tu thượng tâm, mài giữa các căn.
  - 2- Siêng tu các việc lành, trang nghiêm công đức.
  - 3- Dốc lòng giữ giới, không sinh tâm ăn năn, chán nản.
  - 4- Tu tập đại bi, thương xót chúng sinh.
  - 5- Tin Phật, Thế Tôn có đại từ bi.
  - 6- Vì các chúng sinh, mà chịu đựng các nỗi khổ
  - 7- Có khả năng phá hoại khổ não mà chúng sinh đang gặp phải.
  - 8- Điều phục các căn, đầy đủ chánh kiến.
  - 9- Tâm không sợ hãi, không cầu các hữu.
  - 10- Ưa mong cầu trí Phật, không ưa Nhị thừa.
  - 11- Thọ hưởng thú vui, không ngạo mạn; cam chịu khổ, không có ăn năn.
  - 12- Cung kính trí tuệ, phá hoại kiêu hãnh, ngạo mạn.
  - 13- Biết ơn, trả ơn.
  - 14- Đầy đủ năng lực của thân.
  - 15- Che chở giữ gìn chánh pháp.
  - 16- Không để Tam bảo bị dứt mất.
- Lại, luận Du-già, Bồ-tát Địa chép: “Bồ-tát phát tâm do bốn duyên, bốn nhân, bốn lực”.

Nói bốn duyên là:

- 1- Thấy chư Phật, Bồ-tát có oai lực thần biến không thể suy nghĩ, bàn luận; hoặc có thể tin nghe việc như thế; nghe việc ấy rồi, đối với đại Bồ-đề sinh tin hiểu sâu. Do tin này mà phát tâm đại Bồ-đề.
- 2- Dù không thấy nghe công đức thần thông của Phật và Bồ-tát,

nhưng đối với tạng Bồ-tát nghe rồi, tin sâu, vì được trí mầu nhiệm của Như Lai, nên phát tâm Bồ-đề.

3- Hoặc có một loại, dù không thấy Phật, kể cả nghe nói chánh pháp như thế, mà thấy pháp tạng của tất cả Bồ-tát sắp muốn chìm mất, nên nghĩ rằng: “Pháp Tạng của Bồ-tát ở thế gian, có công năng cứu vớt nỗi khổ vĩ đại của vô lượng chúng sinh, con phải trụ trì Pháp tạng của Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề, vì diệt nỗi khổ lớn của vô lượng chúng sinh, vì giữ gìn năng lực tăng thượng của tạng Bồ-tát. Đối với trí Như Lai sinh tin, hiểu sâu mà được phát tâm.

4- Hoặc có một loại người dù không nhìn thấy chánh pháp sắp diệt, nhưng ở vào thời Mạt pháp, thấy các chúng sinh ác, vẫn đục, thân tâm bị não loạn bởi mười tùy phiền não, nghĩa là nhiều nỗi khổ lo âu, nhiều các việc thô, nhiều các phiền não, nhiều các hành vi ác, nhiều các buông lung, nhiều các lưỡi biếng, nhiều thứ không tin.

Thấy việc này rồi, bèn nghĩ rằng: “Đời rất hung ác vẫn đục hiện nay, đang xảy ra, đang bị não loạn bởi các tùy phiền não, người phát tâm Thanh văn thấp kém, vẫn còn khó có thể được, huống chi người có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, con phải nên phát tâm Đại Bồ-đề, khiến cho vô lượng hữu tình ở đời ác này sẽ theo học với con, khởi nguyện Bồ-đề. Do thấy đời ác, nên phát tâm khó được năng lực tăng thượng, nên phát tâm Bồ-đề”.

Bốn nhân đó là:

1- Các Bồ-tát, chủng tánh Bồ-tát được đầy đủ.

2- Nhờ Phật, Bồ-tát, bạn lành nhiếp thọ.

3- Phần nhiều khởi tâm bi đối với các chúng sinh.

4- Đối với nỗi khổ lớn sinh tử trong thời gian rất dài, khổ hạnh khó thực hành, không có khiếp sợ.

Thế nào là bốn lực? Bốn lực là:

1- Các Bồ-tát do công sức của mình, có thể sinh kính yêu, ưa thích sâu sắc đối với vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

2- Do công sức người khác, cảm thấy yêu thích sâu sắc.

3- Đời trước đã tu tập Đại thừa tương ứng với pháp lành. Nay, tạm thời được thấy chư Phật, Bồ-tát; hoặc tạm được nghe ca tụng, khen ngợi, liền có thể nhanh chóng phát tâm đại Bồ-đề, hướng chí nhìn thấy thần lực, nghe chánh pháp của chư Phật, Bồ-tát.

4- Đối với hiện pháp, gần gũi Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, suy nghĩ về đế, v.v... tu tập các pháp lành trong thời gian dài. Do gia hạnh này, mà phát tâm Bồ-tát kia.



3- *Làm sáng tỏ hành tướng*: Mong cầu là tướng, sự mong cầu ấy có hai:

1- Cầu Bồ-đề.

2- Cầu lợi sinh.

Nên luận Du-già chép: “Khi Bồ-tát khởi tâm cầu Bồ-đề, phát tâm như thế, nói như vậy: “Ta quyết định sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, làm được tất cả nghĩa lợi cho hữu tình”. Lại nói: “Đầu tiên phát tâm, đối với các chúng sinh, phát khởi hai thứ thiện với ý ưa thích vượt hơn”.

Ý ưa thích yên vui. Nghĩa là đối với người nghèo, khổ, thiếu thốn, không có nơi nương tựa, cây trồng, đối với các chúng sinh, lia tâm ô nhiễm, muốn cho chúng sinh đủ mọi thú vui, lợi ích. Lại, kinh, luận Bát-nhã chép: “Phát tâm hạnh trụ có bốn nghĩa”:

a- Tâm rộng lớn, bốn sinh, ba cõi đều là đối tượng đáng độ của đáng Từ bi.

b- Tâm thứ nhất đều khiến hữu tình được quả vượt hơn của Niết-bàn Vô dư y.

c- Tâm dù thường độ chúng sinh, nhưng không thấy ngoài thân có tướng chúng sinh, đều tức là thân ta, nên có thể thường cứu vớt tất cả chúng sinh.

d- Tâm không điên đảo không khởi ngã chấp, chấp có mình, có người, hữu tình, chúng ta. Các giáo này, v.v... đều dùng hai lợi mong cầu quyết định làm hành tướng của phát tâm Bồ-đề.

4- *Nói về đối tượng duyên*: Thường dùng đối tượng mong cầu, đối tượng hóa độ làm đối tượng duyên, nên kinh Đại Bát-nhã chép: Thiện Hiện bạch Phật: “Đầu tiên phát tâm Bồ-đề, Bồ-tát đã suy nghĩ những gì?”.

Phật nói: “Trí thường chánh tư duy tất cả tướng”.

Lại, luận Du-già chép: “Dùng đại Bồ-đề và tất cả nghĩa lợi của ác hữu tình làm cảnh đối tượng duyên, vì duyên Bồ-đề, nên tự cầu mong sẽ chứng, vì duyên chúng sinh, nên tâm bi mong cứu giúp”.

5- *Nói về sự thắng lợi*. Bài tụng trong kinh Đại Tập chép: “Nếu vui mừng phát tâm Bồ-đề, như thế mới dứt được hữu ác, vì người trời, mà mở ra con đường chánh, có khả năng lấp bít nẻo tắt nguy hiểm tà vạy của tám nạn, các căn đầy đủ, không mù, điếc, đều do dốc lòng phát tâm Bồ-đề. Lại tụng rằng”:

*Thấy được các Thế Tôn mười phương*

*Nghe được vị cam lộ Vô thượng*

*Nếu dốc lòng phát tâm Bồ-đề  
Cho nên, phá nghi ngờ, kiêu, mạn  
Vô lượng trí tuệ được tự tại*

Hay vì chúng sinh nói pháp giới.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Nếu có người phát tâm Bồ-đề, thì không dứt tất cả hạt giống Phật, chính là nghiêm tịnh tất cả cõi Phật, tức là thành tựu tất cả chúng sinh, tức là rõ biết tất cả pháp tánh, tức khiến cho tất cả các thế giới chúng sinh đều được yên ổn”.

Luận Du-già, Bồ-tát Địa chép: “Pháp thiện thuộc về phát tâm Bồ-tát, có hai thứ vượt hơn”.

1- Nhân.

2- Quả.

Nghĩa là thuộc về pháp tánh lành, đều là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì nhân chủ thể chứng, thuộc về Vô thượng là quả này, hãy còn vượt hơn Nhị thừa,

1- Sơ phát tâm rồi, tức là chúng sinh tôn trọng ruồng phước, tất cả chúng sinh đều nên cúng dường, cũng là cha mẹ của tất cả chúng sinh.

2- Phát tâm thì có khả năng nhiếp thọ phước không có nào hại, do Bồ-tát này thành tựu phước không có nào hại như thế, được gặp bội Luân vương, chủ thể hộ, đối tượng thủ hộ, vì được chủ thể; đối tượng hộ như thế, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc mê, ngất xỉu, v.v... tất cả yêu quái, nhân, phi nhân, v.v... không thể nhiều hại. Lại, Bồ-tát chuyển thọ sinh khác, do giữ gìn thuộc về phước như thế, nên ít bệnh, không bị bệnh, không bị bệnh nặng trong thời gian dài, thường làm lợi ích chúng sinh, không có khổ nhọc, không có tổn hại.

6- *Bàn luận về lượng đức.* Bài tụng của kinh Hoa Nghiêm chép:

*Công đức phát tâm chẳng thể lường  
Đủ tất cả thế giới chúng sinh  
Các trí nói chung không thể hết  
Huống chi là các hạnh mâu khác.*

Lại nói: “Nếu có Bồ-tát nào phát tâm đầu tiên, thế cầu sẽ chứng Bồ-đề Phật, thì công đức của Bồ-tát đó không có bờ mé, không thể xứng lượng, không có chi bằng”. Lại nói: “Bồ-tát đối với sinh tử, khi phát tâm đầu tiên, hoàn toàn cầu Bồ-đề, vững chắc không lay động, thì công đức của một niệm ấy sẽ sâu rộng không có bờ mé. Như Lai phân biệt giảng nói cùng kiếp cũng không hết”.

Luận Phát Bồ-đề Tâm chép: “Như Lai nói: “Như các Bồ-tát đầu tiên phát tâm Bồ-đề, thì quả báo phước đức của một niệm thấp kém,

trải qua trăm ngàn muôn kiếp nói cũng không thể hết, huống chi là quả báo phước đức của tâm đã tu tập trong một ngày, một tháng, một năm, cho đến trăm ngàn ngày, đâu thể nói hết? Vì sao? Vì công hạnh của Bồ-tát vô tận! Vì muốn sao cho tất cả chúng sinh đều trụ Vô Sinh nhẫn, vì được Vô thượng Bồ-đề, nên trong luận Biên Biên Trung cũng chép: “Vì vượt hơn, vì vô tận, do lợi ích cho người không dừng nghỉ”.

7- *So sánh sự hơn kém*: Bài tụng của kinh Đại Tập chép:

*Nếu có người phát tâm Bồ-đề  
Thì được vượt hơn tất cả thừa  
Tịnh hóa tâm tất cả chúng sinh  
Cũng hay giảng nói đạo Vô thượng.*

Lại nói: “Chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, đều trụ thừa Thanh văn, Bích-chi-phật, nếu muốn so sánh với nghiệp sơ phát tâm của Bồ-tát, thì trăm phần, ngàn phần, cũng không thể thí dụ. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa tự vì giải thoát, mà quán sát phiền não; còn Bồ-tát không phải như vậy, thường xuyên vì chúng sinh, được giải thoát, nên quán sát các phiền não”. Lại tụng rằng:

*Thế giới như cát sông Hằng thủy  
Báu đầy trong đó, dùng bố thí  
Dù có Vô lượng phước như thế  
Không bằng thương xót, phát Bồ-đề  
Vô lượng ức đẳng Phật hằng sa  
Hương hoa tịnh diệu dâng cúng dường  
Phước đức như thế cũng không bằng  
Người vững bảy bước phát tâm Bồ-đề.*

8- *Nói về thí dụ kia, Kinh Đại Tập chép*: “Ví như vật báu nhỏ cũng không được xem thường. Vì sao? Vì của báu nhỏ như thế, có công năng làm nên việc lớn, phần nhiều được lợi ích. Bồ-tát cũng như thế, khi phát tâm đầu tiên, cũng không được xem thường”. Lại nói: “Như tiểu vương khác, tất cả đều lệ thuộc vua Chuyển luân, tất cả người, trời cũng giống như thế, đều đến quy thuộc Bồ-tát phát tâm đầu tiên”. Lại nói: “Không có giống mía ngọt, thì sẽ không có các thứ vị mật thạch (đường phèn); cũng vậy, nếu không có người phát tâm Bồ-đề, thì cũng sẽ không có các thứ vị của Tam bảo”. Lại tụng rằng:

*Nếu Bồ-tát siêng năng tinh tấn,  
Thì phá hoại được các phiền não  
Như lửa đốt cháy cây, cỏ khô  
Tâm Bồ-đề đốt cháy phiền não.*

Lại, luận Phát Bồ-đề tâm kinh chép: “Bồ-tát phát tâm, đầu tiên, dụ như biển cả, lúc đầu tiên nổi sóng dần, phải biết giá trị hạ, trung, thượng của biển cả kia, cho đến hạt ngọc như ý vô giá mà tạo nên trú xứ, ngọc báu này đều dựa vào biển cả mà sinh, Bồ-tát phát tâm cũng giống như thế, vì thiên định, trí tuệ của ba thừa là chỗ sinh ra tất cả công đức”.

Lại, như thế khi Tam thiên đại thiên thế giới khởi dần, phải biết rằng, ấy là hai mươi lăm hữu, trong đó đã có tất cả chúng sinh đều đảm trách tạo nên chỗ nương tựa; Bồ-tát cũng vậy, tất cả thời gian khởi dần đầu tiên, khắp vì tất cả vô lượng chúng sinh, sáu đường, bốn sinh, cho đến bốn họ, tất cả đều gánh vác tạo nên chỗ nương tựa. Lại, luận Đại Trang Nghiêm đã có sự dụ một cách rộng rãi, e rườm rà nên không trích dẫn.

9- *Nói về duyên lui sụt, luận Du-già chép: “Có bốn nhân duyên làm cho Bồ-tát lui sụt tâm Bồ-đề”.*

1- Không có Chủng tánh

2- Thuộc về bạn ác

3- Tâm bi nhỏ, mỏng đối với các chúng sinh.

4- Đối với nỗi khổ lớn sinh tử trong thời gian dài, khó thực hành khổ hạnh, cảm thấy yếu hèn, sợ hãi.

10- Làm sáng tỏ người thủ hộ. Kinh Đại Bát-nhã chép: “Bồ-tát Ma-ha-tát thường siêng năng giữ gìn tâm Bồ-đề này, cũng như người đời giữ gìn, chở che đứa con một, cũng như kẻ chột mắt, bảo vệ một mắt còn lại; người đi ở chỗ hoang vắng, phải bảo về kẻ dẫn đường. Bồ-tát giữ gìn tâm Bồ-đề cũng giống như thế, vì nhân che chở tâm Bồ-đề như thế, nên được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề”.

Kế là, trong phát nguyện, lại chia làm hai: Trước là nguyện, sau là thệ.

Nguyện: Vốn đã tập; Thệ: duyên hay khen ngợi sắp đủ thành công, thiếu một thì không có khả năng, cũng như chim đủ hai cánh mới bay lên cao, nên luận Phát Bồ-đề tâm chép: “Bồ-tát phát tâm thú hưởng Bồ-đề ra sao? Dùng hạnh nghiệp gì để thành tựu Bồ-đề?”.

Bồ-tát phát tâm trụ địa Cần Tuệ, trước phải phát nguyện một cách vững chắc, nhiếp thọ tất cả vô lượng chúng sinh, ta cầu Vô thượng Bồ-đề, cứu hộ, độ thoát sao cho không có thừa, đều khiến cho cuối cùng đến Niết-bàn Vô dư.

Cho nên, đầu tiên phát tâm đại bi làm đầu, vì dùng tâm bi nên có khả năng phát chuyển biến vượt hơn mười chánh nguyện vĩ đại, mười

chánh nguyện ấy là:

1- Con nguyện đời trước, kể cả thân hiện nay, đã gieo trồng bao nhiêu gốc lành, đều thí cho tất cả, đều hồi hướng về Bồ-đề Vô thượng, sao cho nguyện này của con, mỗi niệm được thêm lớn, đời đời không quên, vì được che chở bởi Đà-la-ni.

2- Con nguyện hồi hướng đại Bồ-đề, nhờ gốc lành này, sinh ra bất cứ nơi nào, thường được cúng dường tất cả chư Phật, thường không sinh ở cõi nước không có Phật.

3- Con nguyện được sinh về cõi nước chư Phật, thường được gần gũi, theo hầu cạnh Phật, như bóng theo hình, không có khoảng khắc sát-na xa lìa chư Phật.

4- Con nguyện được gần Phật, thuận theo đối tượng thích ứng, con nói pháp liền được thành tựu năm thần thông của Bồ-tát.

5- Con nguyện được nắm thần thông rồi, liền đạt được thế đế, giả danh truyền khắp, hiểu rõ đệ nhất nghĩa, được trí chánh pháp.

6- Con nguyện sau khi được trí chánh pháp rồi, do tâm không nhằm chán, vì chúng sinh nói pháp, bảo cho chúng biết vui lợi ích của giáo pháp, đều giúp mở mang sự hiểu biết.

7- Con nguyện mở mang sự hiểu biết cho các chúng sinh rồi, dùng năng lực thần thông của Phật đi khắp các thế giới mười phương không có dư sót, cúng dường chư Phật, nghe nhận chánh pháp, rộng nhiếp hóa chúng sinh.

8- Con nguyện sẽ được ở chỗ chư Phật, nghe chánh pháp rồi, liền có khả năng xoay bánh xe chánh pháp thanh tịnh; tất cả chúng sinh trong các thế giới ở mười phương nghe pháp của con nói, nghe danh hiệu con, liền được xa lìa tất cả phiền não, phát tâm Bồ-đề.

9- Con nguyện có khả năng khiến cho tất cả chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề rồi, thường theo che chở, trừ không có lợi ích, ban cho vô lượng niềm vui, bỏ thân mạng, tài sản, nhiếp thọ chúng sinh, gánh vác chánh pháp.

10- Con nguyện có khả năng gánh vác chánh pháp rồi, dù thực hành chánh pháp, nhưng tâm không có đối tượng thực hành, như các Bồ-tát thực hành chánh pháp, mà không có thực hành, cũng đều thực hành, vì hóa độ chúng sinh.

Lại, luận Du-già có mười nguyện lớn, nếu các Bồ-tát nguyện ở đời đương lai sẽ dùng tất cả vật cúng dường diệu cúng dường vô lượng, vô biên Như Lai, gọi là nguyện thứ nhất, nguyện ở đương lai, sẽ nhiếp thọ, giữ gìn chánh pháp của chư Phật, truyền giữ mắt pháp sao cho

không nhắm lại, hư hoại, gọi là nguyện thứ hai.

Nguyện ở đời đương lai, sẽ từ cung trời Đổ-Sử-Đa giáng xuống được tám tướng thành đạo, gọi là nguyện thứ ba.

Nguyện ở đời đương lai, sẽ thực hành tất cả các chánh hạnh của Bồ-tát, gọi là nguyện thứ tư.

Nguyện ở đời đương lai, sẽ có khả năng thành tựu khắp tất cả hữu tình, gọi là nguyện thứ năm.

Nguyện ở đời đương lai, đều có khả năng thị hiện ở tất cả thế giới, gọi là nguyện thứ sáu.

Nguyện ở đời đương lai, có thể tịnh khắp tu tất cả cõi Phật, gọi là nguyện thứ bảy.

Nguyện ở đời đương lai, tất cả Bồ-tát đều đồng một thứ ý ưa thích gia hạnh, thu nhập Đại thừa, gọi là nguyện thứ tám.

Nguyện ở đời đương lai, sẽ có tất cả gia hạnh không có trái ngược, đều không uổng công vô ích, gọi là nguyện thứ chín.

Nguyện ở đời đương lai, sẽ mau chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gọi là nguyện thứ mười.

Hạnh nguyện trong các Thánh giáo, chẳng phải một, e rườm rà không dẫn chứng đủ.

Đã phát nguyện xong, kế là lập thệ, y cứ luận Trang Nghiêm vì năm nghĩa nên lập sáu thứ thệ. Năm nghĩa đó là:

- 1- Giữ vững được tâm mình
- 2- Chế phục được phiền não
- 3- Ngăn ngừa buông lung
- 4- Phá được năm triền cái
- 5- Siêng tu sáu độ

Thế nào là lập thệ?

Nếu có người đến cầu xin các thứ, lúc bấy giờ, ta có gì thí cho thứ đó, thậm chí không sinh một ý niệm keo kiệt.

Nếu ta giữ giới, thậm chí phải mất mạng, vẫn kiên lập tâm tịnh, thề không hối tiếc.

Nếu ta tu nhẫn, thì khi bị người khác lấn hiếp, làm hại, thậm chí chặt đứt thân thể, vẫn thường sinh tâm từ, thề không tức giận.

Nếu tu tinh tấn, khi gặp phải lạnh, nắng, phép vua, giặc cướp phá, tai biến nước, lửa, sủ tử, cọp, sói, chỗ không có nước, lúa, thì phải giữ vững ý chí, không lùi bước.

Nếu ta tu thiền, khi bị việc bên ngoài nhiễu, không được nhiếp tâm, mà phải buộc niệm ở cảnh, thề sẽ không tạm thời khởi tưởng tán

loạn, phi pháp.

Nếu tu trí tuệ, thì sẽ quán tất cả pháp như tánh chân thật, thuận theo thọ lãnh, gìn giữ pháp thiện, bất thiện, hữu vi, vô vi, sinh tử, Niết-bàn, không khởi hai kiến.

Nếu tâm ta keo kiệt, ăn năn, giận dữ làm trở ngại, lùi bước, tư tưởng tán loạn, khởi lên hai kiến, như trong khoảnh khắc búng ngón tay, dùng thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiên, trí, nhằm cầu được quả báo ấy, thì tức là ta đã lừa dối chư Phật hiện tại trong vô lượng, vô biên A-tăng kỳ thế giới ở mười phương; ở đời vị lai, cũng chắc chắn không chứng được Bồ-đề.

Bồ-tát dùng mười đại nguyện hạnh gìn giữ chánh pháp, dùng sáu nguyện lớn chế phục buông lung, tất nhiên, hay tinh tấn tu tập sáu độ thành Vô thượng Bồ-đề.

Kế là, cầu bạn lành: Nghĩa của bạn lành, rất vĩ đại! Người sắp vượt qua gian nan, hiểm trở, hội ngộ lại thường vui, không biết do đâu? Nên Nhiếp Đại thừa, Duy thức, v.v... nói: “Chủ yếu do năng lực của bạn lành, mới thành Bồ-đề, Phật, Bồ-tát, v.v..., đây là bạn lành, thắng lợi không có cuối cùng, khó có thể nói hết. Vả lại, lược nêu ba dụng tiêu biểu ý mong cầu.

1- Vì có công năng làm nhân gần cho Bồ-đề, nên kinh Niết-bàn chép: “Phật bảo các đại chúng rằng: “Tất cả chúng sinh là nhân duyên gần của A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề, chớ là bạn lành trước. Vì sao? Vì nếu Xà vương không theo lời nói của Kỳ-bà, thì đến bảy ngày tháng sau, chắc chắn sẽ qua đời, đọa và ngục A-tỳ. Cho nên, nhân gần chớ như bạn lành”.

2- Khi thú hưởng trí Như Lai, vì có mười công năng, nên kinh Hoa Nghiêm chép: “Bậc Thiện tri thức, tức là thú hưởng môn Nhất thiết trí, vì khiến cho ta được nhập đạo chân thật, nên bậc thiện tri thức tức là người thu hưởng thừa Nhất thiết trí, khiến ta được đến địa Như Lai, nên bậc thiện tri thức tức là người thu hưởng thuyền Nhất thiết trí, khiến ta được đến đảo châu báu, nên thiện tri thức tức là người thu hưởng đuốc Nhất thiết trí, giúp ta được sinh ánh sáng của mười lực. Bậc thiện tri thức, tức là người thu hưởng đạo Nhất thiết trí, vì giúp ta được vào thành Niết-bàn, nên bậc thiện tri thức tức là người thu hưởng đèn Nhất thiết trí, khiến ta tránh được con đường nhỏ hẹp, hiểm nguy. Bậc thiện tri thức, tức là người thu hưởng chiếc cầu Nhất thiết trí, giúp ta vượt qua chỗ ác độc, nguy hiểm. Bậc thiện tri thức, tức là người thú hưởng chiếc lọng Nhất thiết trí, vì khiến ta sinh vào xứ mát mẻ của đại từ. Bậc thiện

tri thức, tức là người thú hưởng mắt Nhất thiết trí, khiến ta được thấy môn pháp tánh. Bực thiện tri thức, tức là người thú hưởng thủy triều Nhất thiết trí, vì khiến ta đầy đủ nước Đại từ”.

3- Vì giúp cho vượt qua biển sinh tử, nên kệ của kinh Đại Tập chép:

*Nếu được gần gũi Thiện tri thức  
Dốc lòng nghe thọ pháp Vô thượng  
Quán sát không tam muội trong, ngoài  
Tức vượt qua được biển sinh tử.*

Hỏi: Đối với Thiện tri thức, khởi ở tâm nào để cầu pháp Vô thượng kia?

Đáp: Kinh Hoa Nghiêm chép: “Đối với Thiện tri thức sinh mười thứ tâm, nghĩa là đối với Thiện tri thức, sinh tâm đồng với mình, vì khiến cho ta tinh tấn, siêng năng, giải thích về Nhất thiết trí, soi rọi pháp đạo”.

Đối với Thiện tri thức sinh tâm tự quả nghiệp thanh tịnh, vì gần gũi cúng dường, sinh ra gốc lành.

Đối với Thiện tri thức sinh tâm trang nghiêm công hạnh Bồ-tát, vì giúp cho ta mau chóng trang nghiêm tất cả hạnh Bồ-tát.

Đối với Thiện tri thức sinh tâm thành tựu tất cả pháp Phật, vì khuyến dụ ta; khiến ta tu đạo.

Đối với Thiện tri thức sinh tâm năng sinh, vì làm sinh ra pháp Vô thượng của ta.

Đối với Thiện tri thức sinh tâm ra khỏi, vì giúp ta tu hành hạnh nguyện sở hữu của Bồ-tát Phổ Hiền mà ra khỏi.

Đối với Thiện tri thức sinh tâm đầy đủ tất cả biển phước, trí, khiến ta chứa nhóm các bạch pháp.

Đối với Thiện tri thức sinh tâm tăng trưởng, vì giúp cho ta thêm lớn Nhất thiết trí.

Đối với Thiện tri thức đầy đủ tất cả gốc lành, khiến chí nguyện của ta được tròn đầy.

Đối với Thiện tri thức sinh tâm thành được lợi ích vĩ đại, khiến ta tự tại an trụ tất cả pháp của Bồ-tát, vì hoàn thành đạo Nhất thiết trí nên được tất cả pháp Phật.

Về sau, nói về người tu hành. Và luận ao trời đâu khác gì vũng nước đọng trên đường đi; trăm sông tiếp nhận không sót; đất, núi khác với đồng sắt đen; các thứ bụi chứa chất, mà không vứt bỏ. Cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tất cả các hành đều được tu tập đầy đủ, trong đó được chia làm hai”



1- Chung.

2- Riêng.

Chung: Trong năm vị tư lương kia đều đủ hai hạnh lợi mình, lợi người và vì hai phước, trí, mười Ba-la-mật, nên luận Duy thức chép: “Năm vị của mười Ba-la-mật đều đầy đủ, nhưng giai vị tu tập, tướng của nó rất rõ ràng, tức tuệ làm tánh của sáu độ này, đều gọi là trí, không phải tuệ làm thể, đều gọi là phước. Tướng chung của sáu Ba-la-mật đều có hai, năm thuyết trước của tướng riêng là phước đức”.

Trí huệ thứ sáu: Lại, sáu độ này, vì cứu giúp người khác mà tu sáu, sáu đều lợi ích cho người, nếu vì tự tu thì sáu đều lợi mình. Đã nói rằng năm vị tu chung của sáu độ, nên biết năm vị chung của hai lợi phước, trí trong mười độ.

Hỏi: Pháp phần Bồ-đề và bốn nhiếp, v.v... đều là pháp đã tu công đức. Trong hai lợi bằng nhau là thuộc về gì?

Đáp: Y cứ vào tướng tăng thêm để nói, thì pháp phần Bồ-đề, gồm thân hạnh lợi mình; sự v.v... của bốn nhiếp thuộc về hạnh lợi ích cho người. Nếu y cứ ở lời nói thật, thì đều chung cho hai lợi.

Hỏi: Nghĩa của thể phần Bồ-đề bình đẳng thế nào?

Đáp: Chia làm ba: Đầu tiên, là phần Bồ-đề, kế là nói về bốn nhiếp; sau, làm rõ sáu độ; pháp phần Bồ-đề, lược làm hai môn:

1- Giải thích tên gọi.

2- Lược hỏi, đáp.

Trong môn đầu lại có hai: Trước chung, sau riêng.

Ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề: Bồ-đề, là tiếng Phạn, Hán dịch là Giác, tức Như Lai đồng Tận Vô sinh trí, vì soi rọi cảnh, cùng cực nguồn nên gọi là Giác; phần nghĩa là nhân, ba mươi bảy pháp này có thể làm nhân giác, nên gọi là Phần. Kế là tên riêng: nghĩa là chủng loại khác nhau, chia làm bảy thể lệ:

1- Bốn niệm trụ

2- Bốn chánh đoạn

3- Bốn thần túc

4- Năm Căn

5- Năm Lực

6- Bảy Chi giác

7- Tám Thánh đạo.

1) *Bốn niệm trụ*: Nghĩa là thân, thọ, tâm, pháp. Bốn pháp thân, v.v... là cảnh sở quán; Tuệ là chủ thể quán. Vì Tuệ đều có với niệm, nên tuệ từ niệm gọi là Niệm. Trụ: Tức cảnh là chủ thể quán, cảnh sở trụ

của tuệ, gọi chung là Niệm trụ. Nói riêng thân: năm căn, bốn đại chứa nhóm, gọi là thân. Lãnh nạp ở cảnh, gọi là Thọ. Tập khởi gọi là tâm. Gìn giữ phép tắc, gọi là Pháp.

2) *Bốn chánh đoạn*. Thế một tinh tấn, dụng nghĩa khác nhau, chia làm bốn: Việc ác đã sinh, thì dứt bỏ, việc ác chưa sinh, đừng bao giờ để sinh.

Pháp lành đã sinh, thì tu khiến cho thêm nhiều, Pháp lành chưa sinh, thì tu khiến cho sinh ra.

Bốn công năng đoạn này, vì dứt trừ chướng lười biếng, nên gọi bốn đoạn.

3) *Bốn Thần túc*: Thần nghĩa là thần thông; vì công dụng mẫu nhiệm khó suy lường, nên gọi là Thần, tức dụng của tuệ. Túc, nghĩa là nhân của thần kia. Thế, tức định vượt hơn. Do dựa vào định vượt hơn, vì có thể phát thông, nên gọi là thần túc. Túc dù là nhất định, vì nhân của định có bốn, nên gọi là bốn. Bốn là: dục, cần, tâm, quán. Đối với cảnh, ưa thích, quan sát gọi là dục; ngừng dứt việc ác, tiến tới điều lành, gọi là cần. Định có công năng nhiếp tâm, gọi là tâm. Đối với cảnh, thì phân biệt lựa chọn, gọi là quán. Bốn thứ này chẳng phải túc mà là nhân của túc.

4) *Năm Căn*: Nghĩa tăng thượng là nghĩa căn, do năm căn có công năng sinh ra các pháp lành, nên gọi chung là Căn. Năm căn là: Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Nghĩa là trong Tam bảo, bốn đế, v.v... Tánh hay nhấn sâu sắc, ưa thanh tịnh gọi là Tín. Tiến tu một cách mạnh mẽ, gọi là Tinh tấn. Vì nhớ giữ lấy cảnh, nên gọi là Niệm, chuyên chú đối tượng duyên, gọi là Định; vì phân biệt, lựa chọn công đức, lỗi lầm nên được gọi là Tuệ.

5) *Năm Lực*: Vì không thể khuất phục, nên gọi là lực, tức năm căn trước, y cứ vào nghĩa không thể khuất phục, lay chuyển để đặt tên lực, nên Du-già nói: “Cái gì không thể khuất phục?”.

Đáp: Tín thanh tịnh này, hoặc trời, hoặc ma, cho đến các triền phiền não cũng không thể khuất phục, nên gọi là khó điều phục. Thế tức năm căn, lực không khác nhau.

6) *Bảy Chi giác*: Giác, nghĩa là trí; Chi là phần loại, vì phần loại khác nhau mà có bảy thứ, nên gọi là bảy chi giác. Bảy chi giác gồm:

- 1- Niệm.
- 2- Trạch pháp.
- 3- Tinh tấn.
- 4- Hỷ.

5- Khinh an.

6- Định.

7- Xả.

Đối với cảnh, ghi nhận sáng suốt, gọi là Niệm; Vì quán sát công đức, lỗi lầm, nên gọi là Trạch pháp. Tu thiện một cách phấn khởi, gọi là tinh tấn. Đối với ý thỏa thích, vui vẻ, nên được gọi là Hỷ. Thân, tâm điều hòa vui thích, gọi là khinh an; Vì chuyên chú đối tượng duyên, nên gọi là Định; xa lìa hôn trầm, trạo cử, bình đẳng, vắng lặng, gọi là Xả.

Hỏi: Trạch pháp là tuệ, có thể gọi là chi giác, pháp còn lại chẳng phải gồm thâm tuệ, đâu được gọi là giác?

Đáp: Vì là đối tượng y chỉ của pháp giác, chi niệm. Vì tự thể của trạch pháp, mà là giác, vì tinh tấn là chi xa lìa giác, nên hỷ là chi lợi ích của pháp giác. Khinh an, định, xả, ba pháp này là giác, vì chi không có nhiệm, là vì tự thể và pháp khác chẳng phải tuệ, gọi chung là chi giác.

Vì sao ba pháp này gọi là chi không có nhiệm?

Đáp: Vì pháp thô nặng làm nhân, có thể sinh các nhiệm; vì khinh an, chủ thể trị gạn pháp thô nặng này, nên gọi là nhân của không có nhiệm; vì dựa vào định, nên mới lìa được nhiệm; định tức gọi là đối tượng nương tựa của lìa nhiệm. Xả, chính là loại trừ nhiệm, tức là tự tánh không có nhiệm, nên ba thứ này được mang tên không có nhiệm.

7) *Tám Thánh đạo*: Hợp với lý, đi suốt qua thân, gọi là Thánh. Vận tải, rảo bước đi đạo, gọi là Đạo. Tám Thánh đạo là: Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh kiến. Suy tính, so lường nghĩa lý, gọi là chánh tư duy. Ngữ lìa bốn thứ quấy gọi là Chánh ngữ; thân tránh xa ba lỗi gọi là Chánh nghiệp; thân, ngữ vô lậu, lìa năm tà mạng gọi là Chánh mạng; tu thiện, dứt ác, có khả năng vượt hơn gọi là Tinh tấn. Ghi nhận sáng suốt đối tượng duyên, gọi là Chánh niệm; thu nhiếp tâm không để tán loạn, gọi là Chánh định; vì tìm tòi, quán sát đế lý, nên gọi là Chánh kiến.

**- Phần kể, lược hỏi đáp:**

Hỏi: Hàng Tiểu thừa tu giáo phần Bồ-đề, có văn thật, vì sao biết được người Đại thừa cũng học?

Đáp: Luận Trí Độ chép: “Hỏi: Ba mươi bảy phẩm là đạo của Thanh văn, Bích-chi-phật, sáu Ba-la-mật là đạo Bồ-tát, vì sao đối với đạo Bồ-đề, gọi là pháp Thanh văn? Đáp: Vì Bồ-tát Ma-ha-tát đã học tất cả phẩm đạo”. Đã nói rằng tất cả, nên biết được cũng chung cho sở học của Bồ-tát”.

Hỏi: Pháp phần Bồ-đề là chung cho các địa vị, vì sao Du-già,

Nhiếp luận đều nói rằng, Tứ địa mới được phân Bồ-đề?

Đáp: Các luận kia y cứ vào Tam địa được tướng định, giới, v.v... đồng với thế gian; tướng của Tứ địa đồng với Nhị thừa xuất thế, vì vô lậu của phẩm đạo mà là xuất thế, nên nói: “Tứ địa mới được khởi”.

Hỏi: Hành tướng riêng nào mà ba thừa đồng tu?

Đáp: Luận Biện Trung Biên chép: “Hàng Nhị thừa lấy thân, v.v... nối tiếp nhau của mình làm cảnh, để tu đối trị; Bồ-tát chung cho dùng thân v.v... nối tiếp nhau của mình, và người bình đẳng làm cảnh mà tu đối trị. Thanh văn, Độc giác đối với cảnh thân, v.v... dùng hành tướng Vô thường, v.v... suy nghĩ mà tu đối trị. Nếu các Bồ-tát đối với cảnh thân, v.v... mà dùng hành tướng không có sở đắc, suy nghĩ mà tu đối trị, Thanh văn, Độc giác tu niệm trụ, v.v... chỉ vì thân v.v... mau được xa lìa trói buộc; nếu các Bồ-tát tu Niệm trụ, v.v... không vì lìa sự trói buộc của thân, v.v... mà chỉ vì chứng đắc Niết-bàn Vô trụ thì do ba duyên này, nên khác với Nhị thừa”.

Kế là nói về bốn nhiếp. Lược chia làm hai môn: Đầu tiên giải thích tên gọi; sau nói về hành tướng. Trong phần đầu lại có hai: Trước chung, sau riêng. Chung: Vì dùng bốn việc này nhiếp hóa các hữu tình, nên gọi bốn Nhiếp. Hoặc nhiếp, nghĩa là lợi ích cho người, vì dùng pháp thí v.v... để lợi ích hữu tình, nên Du-già chép: “Sự nhiếp sở hữu có thể thành tựu tất cả hữu tình khác; có khả năng thành tựu, tức là lợi ích”.

Giải thích tên riêng.

1- Bố thí, vận dụng tâm cùng khắp gọi là bố, vì quên mình, thì cho người nên gọi là Thí.

2- Ái ngữ: Giọng nói dịu dàng, biểu lộ gọi là nói, vì người nghe đẹp lòng, ưa thích, nên gọi là ái.

3- Lợi hạnh: hạnh là công hạnh đã tu, tức là danh nhân. Lợi là lợi ích đã được, tức gọi là quả, nên Du-già nói: “Do hạnh này khiến cho được thân khinh an trong hiện pháp; Bát Niết-bàn, v.v... ở trong pháp sau. Khinh an hiện ở đây, Bát Niết-bàn ở sau, đều gọi là lợi, vì có lợi ích”.

4- Đồng sự.. Đồng là cùng nhau; Sự là sự nghiệp, nghĩa là vì nghiệp tu hành cùng nhau với hữu tình, gọi đồng sự.

Kế, là hành tướng: Nếu Bồ-tát muốn nhiếp hóa hữu tình, thì không vượt qua bốn thứ này: Nếu muốn hóa độ hữu tình kia, thì trước hết, phải thực hành bố thí, nghĩa là thuận theo điều mà họ cần, chẳng hạn như vật vàng, bạc, v.v... của cải bên ngoài, kể cả của bên trong, như loại tay, chân v.v..., theo nhu cầu đều cho cả. Vì tùy ý cho, nên các hữu tình

gắn gũi Bồ-tát, đó gọi là bố thí nhiếp. Đã gắn gũi rồi, kế là dùng ái ngữ làm đẹp lòng hữu tình kia, sao cho chúng tiếp nhận đạo, nên Du-già nói: “Thế nào là ái ngữ tự tánh của Bồ-tát?” thường ưa nói những lời vừa ý v.v... Lược có ba thứ”:

1- Lời nói an ủi, khuyến dụ; đối với các hữu tình, mỉm cười trước khi nói, kế là hỏi thăm sức khỏe.

2- Lời chúc mừng an ủi: thấy các hữu tình có việc hưng thịnh mà chúc mừng cho đẹp lòng họ.

3- Lời nói lợi ích vượt hơn: Vì các hữu tình tuyên nói tất cả giáo pháp mầu nhiệm, cao siêu, tròn đầy.

Đã thực hành tất cả ái ngữ như trên, khiến chúng sinh đã được hóa độ, tâm khởi yêu thích kính mến, quy y Bồ-tát. Đã quy y xong, tiếp theo dạy bảo tu hành. Du-già chép: “Nghĩa là các Bồ-tát do ái ngữ kia vì các hữu tình thị hiện chánh lý, tùy ý thích hợp của chúng; đối với các sở học, thuận theo thực hành nghĩa lợi. Ý ở đây tức nói thuận theo sự khác nhau về căn tánh của các thừa khác, mà bảo thực hành công hạnh của ba thừa kia, v.v... Lại, nếu Bồ-tát trong hạnh như thế, tất nhiên trụ tâm bi, tâm không có nhiễm ái, khuyên dẫn dắt điều phục, khởi hạnh lợi người, kế là đồng sự nghiệp với đối tượng hóa độ”.

Hỏi: Chỉ hóa độ hạnh kia, chứ đâu cần thân đồng?

Đáp: Nếu chính mình không làm thì người ta đâu có chịu học, vì khiến cho họ tu, nên chủ yếu tự mình làm, nên Du-già chép: “Rằng, các Bồ-tát nếu đối với nghĩa này, với gốc lành này, khuyên người thọ học, thì đối với nghĩa này, gốc lành này, tự biểu hiện thọ học”.

Như thế, Bồ-tát đồng sự với người, nên gọi là đồng sự. Do bốn việc này nhiếp hóa các hữu tình không thêm, không bớt.

Về sau, nói về sáu độ. Nghĩa sáu độ có nhiều thứ. Nay, lược bảo cho biết tám môn khác nhau:

- 1- Phân biệt nêu ra
- 2- Giải thích tên gọi
- 3- Biểu thị rõ ràng
- 4- Gia hạnh
- 5- Tướng thanh tịnh
- 6- Không thêm, không bớt
- 7- Nhiếp thọ nhau.
- 8- Lợi quả đức vượt hơn.

**1) Phân biệt nêu ra:** Thí có ba thứ:

- 1- Xả tài vật, v.v... gọi là tài thí.

2- Dùng giáo pháp như ba tạng, v.v... thí cho hữu tình, gọi là pháp thí.

3- Giúp người hết sợ hãi, gọi là vô úy thí.

Giới cũng có ba thứ:

1- Công năng xa lìa bất thiện, giữ gìn, thọ trì, gọi là giới luật nghi, tức giới, v.v... mà bầy chúng Sa-môn, v.v... đã học.

2- Dùng tất cả pháp Phật làm thể, gọi là giới nhiếp pháp lành.

3- Dùng giới này để giúp ích cho chúng sinh, gọi là giới lợi ích hữu tình.

Nhẫn cũng có ba thứ:

1- Oán đối với chủ thể thọ, gọi là nhẫn nại oán hại.

2- Các thứ khổ cùng cực như nghèo, bệnh, lạnh, nóng, đều chịu đựng mà tu đạo, không hề lui sụt, không chịu khuất phục, gọi Nhẫn An thọ khổ.

3- Đối với pháp rất sâu kín, có thể suy nghĩ để, xem xét, quán sát nghĩa lý, gọi là nhẫn để sát pháp.

Tinh tấn cũng có ba:

1- Nếu tu các hạnh phát khởi mạnh mẽ, đối với công hạnh, không lui sụt, như người vào trận, mặc giáp sắt, cố nhiên không khiếp sợ tháo lui, nên gọi là mặc giáp sắt tinh tấn.

2- Tu các phẩm lành siêng năng, tinh tấn thú hưởng, gọi là nhiếp thiện tinh tấn.

3- Vì dùng sự tinh tấn, siêng năng đem lại lợi ích, niềm vui cho hàm thức, nên gọi là tinh tấn lợi lạc.

Định cũng có ba:

1- Mà có thể vì an trụ thú vui hiện pháp, nên gọi là an trụ tĩnh lự.

2- Vì định này có công năng phát ra sáu thần thông, nên gọi là tĩnh lự dẫn phát.

3- Vì định này có thể hoàn thành việc lợi ích cho hữu tình, nên gọi là tĩnh lự biện sự.

Tuệ cũng có ba: đó là Tuệ vô phân biệt sinh không; Tuệ vô phân biệt pháp không và Tuệ vô phân biệt Câu không.

Như thứ lớp tức là duyên riêng ngã, pháp, đều cùng “duyên” theo trí căn bản kia; sau khi phân biệt khác đi được gọi là vô phân biệt.

**2) Giải thích tên gọi:** Trước chung, sau riêng.

Nói tên chung: Kinh Giải Thâm Mật và Du-già chép: “Vì sao đây gọi là Ba-la-mật-đa?”. “Vì có năm duyên”:

1- Không có chấp mắc nhiệm Ba-la-mật-đa, vì sự mâu thuẫn nhau.

2- Không có đoái nghĩ; luyện ái: nghĩa là đối với tất cả các quả dị thực Ba-la-mật-đa và trong báo ơn, tâm không có trói buộc.

3- Không có tội lỗi. Nghĩa là đối với Ba-la-mật-đa như thế, không có pháp nhiệm gián cách; tạp nạp, vì thực hành phương tiện lìa sai quấy.

4- Vô phân biệt. Nghĩa là đối với Ba-la-mật-đa như thế, không như lời nói vì chấp vướng mắc tự tưởng.

5- Chánh hồi hướng. Nghĩa là đối tượng tạo tác, đối tượng tu tập Ba-la-mật-đa như thế, vì trở về cầu quả Đại Bồ-đề Vô thượng.

Lại, luận Đối Pháp chép: “Đến sở tri bờ bên kia gọi là Ba-la-mật-đa. Lại, Ba-la là sở tri, nghĩa là bờ bên kia; Mật-đa nghĩa là đến.

Giải thích về tên riêng: Nhiếp Luận chép: “Có khả năng phá bỏ sự keo kiệt, nghèo cùng, và có khả năng dẫn phát được địa vị phước đức rộng lớn, nên gọi là Thế; dứt trừ được giới ác, cõi ác và dẫn sinh được đẳng trì của cõi lành, nên gọi là Giới. Dứt hết cơn phẫn nộ, thù oán và vì khéo trụ tự yên ổn, nên gọi là Diệu nhẫn; lìa bỏ tất cả pháp ác, bất thiện và có khả năng sinh ra vô lượng pháp lành, nên gọi là tinh tấn, có công năng dứt trừ cái có tán động kia và có thể dẫn phát được an trụ nội tâm, nên gọi là tĩnh lự, hay dứt trừ tất cả kiến chấp thú hưởng các tuệ tà ác và có khả năng trình thật, phân biệt biết pháp, nên gọi là Tuệ”.

### 3) Nói về tướng:

Hỏi: Chỉ có thí, v.v... thì được gọi là Ba-la-mật-đa hay là không phải như vậy?

Đáp: Vì có được, không được, nên Duy thức nói: “Chủ yếu ở họ thuộc về bảy hơn hết, mới có thể kiến lập Ba-la-mật-đa”:

1- An trụ hơn hết. Nghĩa là phải an trụ ở chủng tánh Bồ-tát.

2- Y chỉ hơn hết. Nghĩa là phải y chỉ tâm đại Bồ-đề.

3- Ý ưa thích hơn hết. Nghĩa là phải thương xót tất cả hữu tình.

4- Sự nghiệp hơn hết. Nghĩa là phải thực hành tất cả các sự nghiệp.

5- Phương tiện khéo léo hơn hết. Nghĩa là phải thọ lãnh thuộc về trí Vô tướng.

6- Hồi hướng hơn hết. Nghĩa là phải hồi hướng Vô thượng Bồ-đề.

7- Thanh tịnh hơn hết. Nghĩa là phải không bị xen lẫn bởi hai chướng.

Nếu không phải sự thọ lãnh thuộc về bảy thứ hơn hết này, thì cho dù có thực hành bố thí, v.v... nhưng chỉ gọi là bố thí, chứ không được gọi là đến bờ bên kia.

**4) Gia hạnh:** Hỏi: Sắp tu sáu pháp này, dùng gia hạnh nào mới tiến tu được?

Đáp: vì tâm hai lợi có thể tu sáu pháp này, nên kinh Đại Bát-nhã quyển 102 chép: “Bồ-tát Ma-ha-tát khi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, phải nghĩ rằng: Nếu ta không thực hành bố thí Ba-la-mật-đa, thì sẽ sinh vào nhà nghèo hèn, không có thế lực, do đâu mà thành tựu hữu tình, trang nghiêm thanh tịnh cõi nước Phật? Huống chi là được trí Nhất thiết trí?”.

Nếu ta không giữ gìn tịnh giới Ba-la-mật-đa thì sẽ đọa vào các đường ác, thân người thấp hèn còn không được, huống chi được trí Nhất thiết trí?

Nếu ta không tu an nhẫn Ba-la-mật-đa, thì sẽ sinh các căn thừa, thiếu, dung mạo xấu xí, không đủ sắc thân viên mãn của Bồ-tát. Nếu được sắc thân viên mãn của Bồ-tát, thực hành hạnh Bồ-tát thì hữu tình trông thấy tất nhiên được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Nếu không được sắc thân viên mãn này, cho đến huống chi là được trí Nhất thiết trí.

Nếu ta lười biếng, không khởi tinh tấn Ba-la-mật-đa, đạo vượt hơn của Bồ-tát còn không thể được, cho đến huống chi là được trí Nhất thiết trí. Nếu ta tâm tán loạn, không nhập tĩnh lực Ba-la-mật-đa, thì định vượt hơn của Bồ-tát còn không thể khởi, huống chi là được trí Nhất thiết trí.

Nếu ta không có trí, không học Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thì các tuệ phương tiện khéo léo, vượt hơn địa Nhị thừa còn không thể được, cho đến huống chi là được trí của Nhất thiết trí. Lại, Bát-nhã Ba-la-mật-đa quyển 35 chép: “Đối với sáu thứ Ba-la-mật-đa này, lúc siêng tu học, luôn nghĩ rằng: “Tâm hữu tình thế gian đều điên đảo, chìm đắm trong biển khổ sinh tử, không thể tự giải thoát”.

Nếu ta không tu phương tiện khéo léo, thì sẽ không thể giải thoát khỏi khổ sinh tử kia. Ta sẽ vì các loài hữu tình kia, siêng năng, tinh tấn tu học bố thí, tịnh giới, tinh tấn, an nhẫn, tĩnh lực, phương tiện khéo léo của Bát-nhã Ba-la-mật-đa, vì dùng niệm này quán sát, nên sẽ hăng hái tu sáu độ.

**5) Tướng thanh tịnh:** Có hai thứ khác nhau, trước chung, sau riêng.

Chung: Kinh Giải Thâm Mật và Du-già chép: “Nói chung, tất cả



tướng thanh tịnh của Ba-la-mật-đa, phải biết bảy thứ, bảy thứ là”:

- 1- Bồ-tát đối với các pháp này, không cầu người khác biết.
- 2- Đối với các pháp này, thấy rồi, không sinh chấp mắc.
- 3- Tức đối với các pháp như thế, không sinh nghi ngờ, rằng chẳng biết có được Đại Bồ-đề hay không?
- 4- Không bao giờ tự khen, chê người, có đối tượng khinh miệt.
- 5- Không bao giờ kiêu hãnh, ngạo mạn, buông thả.
- 6- Không bao giờ có chút sở đắc, liền sinh vui mừng cho là đủ.
- 7- Không bao giờ do các pháp này, đối với người mà khởi tâm ganh tỵ, keo kiệt, khi thực hành sáu độ, lìa bảy thứ này, mới được gọi là sáu độ thanh tịnh. Kế là tướng riêng: “Kinh Đại Tập chép:

1- Thành tựu tám pháp, có thể tịnh hóa đàn Ba-la-mật. Nghĩa là lìa ngã có thể thí; vì lìa ngã thí, lìa kiết ái thí; lìa kiết vô minh thí; lìa tướng Bồ-đề của ngã kia, để thí cho; lìa các thứ tướng, kiến để thí; lìa hy vọng trả ơn để thí, lìa tánh ganh tỵ, keo kiệt, tâm Bồ-tát kia bình đẳng như hư không v.v... để thí; lìa tám pháp này, đó gọi là Thanh tịnh”.

2- Thành tựu tám pháp, có công năng giữ gìn tịnh giới, cảnh giới không có chướng ngại, sẽ giữ gìn được giới, không y lại các giới, có thể thủ hộ ở giới, không bỏ bản nguyện, có thể thủ hộ giới, vì không dựa vào tất cả chỗ sinh, nên có thể thủ hộ giới, thành tựu đại nguyện, có thể thủ hộ giới, vì khéo nhiếp hóa các căn, vì dứt trừ phiền não, nên có khả năng thủ hộ giới, đó gọi là tám pháp.

Nói thủ hộ giới: tức là diệt tướng thanh tịnh.

3- Thành tựu tám pháp có khả năng tịnh hóa Sằn-đề Ba-la-mật. Nghĩa là đôn hậu nội tịnh thiện đến tu Sằn-đề Ba-la-mật, gọi là ngoài tịnh thiện không hy vọng tu nhân. Đối với phẩm thượng, trung, hạ, không bao giờ có chướng ngại tu nhân, thuận theo pháp tánh, không bị chấp mắc nhiễm tu nhân, lìa bỏ các kiến tu nhân, dứt trừ các giác tu nhân, bỏ tất cả các nguyện tu nhân, dứt trừ tất cả các hạnh tu nhân, đó gọi là tám pháp.

4- Thành tựu tám pháp, có công năng tịnh hóa Tỳ-lê-da Ba-la-mật, vì gọi là tịnh thân, nên phát sinh siêng năng tinh tấn, biết thân như bóng, không chấp mắc thân, vì tịnh khẩu, nên phát siêng năng tinh tấn, biết âm thanh, tiếng, như tiếng vang, không chấp mắc ở miệng, vì tịnh ý nên phát siêng năng tinh tấn, biết ý như huyền không có đối tượng phân biệt, không chấp mắc ở ý, vì đầy đủ các Ba-la-mật, nên phát tâm siêng năng tinh tấn, biết các pháp không, thuộc về nhân duyên tự tánh, không thể nói suông, vì được soi rọi pháp phần Bồ-đề, nên phát tâm

siêng năng tinh tấn, giác biết rõ tất cả các pháp là tánh chân thật, nên không bị trở ngại, chấp mắc, vì tịnh hóa tất cả cõi nước Phật, nên tâm phát siêng năng tinh tấn, vì biết cõi nước của chư Phật như hư không, nên chẳng ý lại đối tượng tịnh, vì được tất cả Đà-là-ni nên phát tâm siêng năng tinh tấn, biết tất cả pháp không có niệm, vì đều là niệm, nên không tạo ra hai tướng. Vì thành tựu tất cả pháp Phật, nên phát tâm siêng năng tinh tấn, vì biết các nhân pháp, là một tướng bình đẳng, mà không hư hoại pháp tánh, đó là tám pháp.

5- Thành tựu tám pháp, có khả năng tịnh hóa thiên Ba-la-mật, nghĩa là không dựa vào các ấm để tu thiền; không dựa vào các giới để tu thiền, không dựa vào các nhập để tu thiền; không dựa vào ba cõi để tu thiền; không dựa vào hiện đời để tu thiền; không dựa vào đời sau để tu thiền; không dựa vào đạo để tu thiền, không dựa vào quả để tu thiền, đó là tám pháp.

6- Thành tựu tám pháp, có khả năng tịnh Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nếu Bồ-tát tinh tấn, siêng năng, muốn dứt tất cả pháp bất thiện, mà không chấp mắc đoạn kiến, tinh tấn, siêng năng, muốn sinh tất cả pháp lành mà không chấp mắc thường kiến, biết tất cả pháp hữu vi, đều từ duyên sinh mà không dao động, đối với Vô sinh pháp nhãn, khéo phân biệt nói tất cả câu chữ, mà thường bình đẳng, không có ngôn thuyết, khéo có thể giải thích rõ tất cả pháp hữu vi, vô thường, khổ; Đối với vô ngã, pháp giới vắng lặng, không dao động, khéo phân biệt các nghiệp đã tạo tác, mà biết tất cả pháp không có nghiệp, không có báo, khéo phân biệt pháp như, pháp sạch, mà biết tất cả pháp tánh thường, tịch, khéo suy tính so lường các pháp ba đời, mà biết các pháp không có quá khứ, vị lai, hiện tại, đó là tám pháp tịnh hóa Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Nếu có người hay dựa vào tướng tịnh chung, riêng đã tu sáu độ chân thật mà tiến đến được bờ bên kia;

**6) Không thêm, không bớt:** như kinh Thâm Mật, Du-già, v.v...  
Rằng: “Thế Tôn vì sao nên thi thiết sự nên học như thế, chỉ có sáu số. Nay người Thiện nam! Vì hai nhân duyên”.

1- Vì lợi ích các hữu tình, nên phải biết ba thứ trước, nghĩa là các Bồ-tát, vì bố thí, nên nhiếp thọ dụng cụ tư lương, lợi ích hữu tình, vì trì giới, nên không làm tổn hại, v.v... lợi ích hữu tình vì nhẫn nhục, nên sự tổn hại, v.v... kia, có khả năng chịu đựng, lợi ích hữu tình.

2- Vì đối trị các phiền não, nên phải biết ba thứ sau, nghĩa là các Bồ-tát vì tinh tấn, nên dù chưa chế phục hẳn tất cả phiền não, v.v... mà có thể mạnh mẽ tu các phẩm lành, các phiền não kia, không thể làm

nghiêng động gia hạnh của phẩm lành, nhờ tĩnh lự nên chế phục hẳn phiền não, nhờ Bát-nhã, nên bỏ hẳn phiền não. Do sáu thứ này không tăng, không bớt.

**7) Nói tiếp nhau:** Kinh Đại Bát-nhã, quyển ba chép: “Vì không có sở đắc, tu hành Bồ thí, rõ biết tất cả người thí, kẻ nhận lãnh và vật được thí cho, đều không thật có”.

Sự bố thí như thế, sẽ được viên mãn bố thí và năm độ còn lại, vì không có sở đắc.

Tu hành giới tịnh, rõ biết tất cả tướng phạm, không phạm, đều không thật có.

Giới tịnh như thế, có công năng viên mãn giới tịnh và năm độ còn lại, vì không có sở đắc, tu hành an nhẫn, rõ biết tất cả tướng phạm, không phạm, đều không thật có.

Giới tịnh như thế, có thể viên mãn giới tịnh và năm độ còn lại, vì không có sở đắc, tu hành an nhẫn, rõ biết tất cả tướng động, không động, đều không thật có.

An nhẫn như thế, có thể đầy đủ an nhẫn và năm độ còn lại. Vì không có sở đắc, nên tu hanh tinh tấn, rõ biết tất cả thân tâm siêng năng, lười biếng, đều không thật có.

Tinh tấn như thế, sẽ tinh tấn viên mãn và năm độ còn lại. Vì không có đối tượng chứng đắc, mà tu tĩnh lự, rõ biết tất cả có vị, không vị đều không thật có.

Tĩnh lự như thế, sẽ được tĩnh lự viên mãn và năm độ còn lại. Do không có đối tượng chứng đắc, mà tu hành Bát-nhã, rõ biết tất cả pháp hoạc tánh, hoặc tướng, đều không thật có.

Bát-nhã như thế, có khả năng viên mãn Bát-nhã và năm độ còn lại. Lại, Nhiếp Đại thừa chép: “Ở trong tu gia hạnh tất cả Ba-la-mật-đa, đều có tất cả Ba-la-mật-đa giúp nhau, giúp nhau thành, nghĩa là khi tu bố thí, cấm ngăn khéo biết rõ nghiệp quả lệ thuộc nhau.

Trong thí cho như thế, tức có chuyển biến khác.

Nếu khi tu giới lìa bỏ tánh keo kiệt, giận dữ, lười biếng, tán loạn, dao động, tà kiến, thì trong giới như thế, sẽ có chuyển biến khác; tu tập pháp khác cũng nói như thế. Như có bài tụng rằng:

Khi thí, không có tham, không có phạm giới.

Không có ganh tỵ, không có giận dữ, khởi tâm từ.

Các người đến cầu xin, ấy là thí cho.

Không có mỗi một, không có rối loạn, không có kiến chấp khác.

**8) Lợi của quả đức vượt hơn:** Nói đức vượt hơn, như kinh Thân

Mật, luận Du-già chép: “Tất cả Ba-la-mật-đa đều có bốn đức hơn hết:

1- Khi chánh hạnh, xả bỏ keo kiệt, phạm giới, giận dữ, lưỡi biếng, tán loạn, kiến, thu hưởng pháp đối tượng trị.

2- Khi chánh hạnh, là tư lương của Bồ-đề Vô thượng.

3- Lúc thực hành chánh hạnh, đối với hiện pháp, có thể tự nhiếp thọ, lợi ích hữu tình.

4- Lúc thực thi chánh hạnh, ở đời vị lai, sẽ có thể được các quả dị thực đáng yêu thích rộng lớn vô tận.

Nói về lợi của quả: nghĩa là do thực hành sáu độ mà làm nhân vượt hơn, chiêu cảm các thứ quả mầu nhiệm ở đương lai, xa thì Bồ-đề; gần thì người, trời, v.v... nên kinh Hoa Nghiêm quyển 5 có bài tụng rằng:

*Xưa, đối chúng sinh, khởi đại bi  
 Tu hành Bồ thí Ba-la-mật  
 Vì là thân xinh đẹp bậc nhất  
 Khiến người trông thấy, sinh vui mừng  
 Xưa, ở biển đại kiếp vô biên  
 Tu trì giới tịnh Ba-la-mật  
 Nên được thân tịnh khắp mười phương  
 Diệt khắp các khổ nặng thế gian  
 Xưa kia, tu hành thanh tịnh nhẫn  
 Tin, hiểu chân thật không phân biệt  
 Cho nên, sắc tướng đều viên mãn  
 Phóng ánh sáng soi khắp mười phương  
 Xưa, siêng tu nhiều kiếp như biển  
 Hay chuyển chướng sâu nặng chúng sinh,  
 Nên hay phân thân khắp mười phương  
 Hóa hiện lưới Bồ-đề thọ vương  
 Phật tu hành lâu vô lượng kiếp  
 Biển cả thiên đĩnh, thanh tịnh khắp  
 Nên khiến người nào thấy, rất vui mừng  
 Chướng như phiền não đều dứt trừ  
 Như Lai thuở xưa, tu các hạnh  
 Đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật  
 Cho nên phát ánh sáng soi khắp  
 Dứt hết tất cả bóng tối ngu si.*

Đây tức là do thực hành nhân sáu độ, mà đầy đủ quả đức của Phật. Lại, kinh Giải Thâm Mật, luận Du-già chép: “Bạch Đức Thế Tôn! Tất

cả Ba-la-mật như thế, là dị thực của quả nào?”. Người thiện nam! Phải biết quả này cũng lược có sáu thứ:

- 1- Được giàu có của cải
- 2- Vãng sinh về cõi lành
- 3- Không có thù oán, không có hư hoại, nhiều sự vui mừng.
- 4- Đứng đầu chúng sinh
- 5- Thân không bị náo hại
- 6- Có nghiệp của tông lớn.

Như thứ lớp đó, phối hợp với sáu độ kia. Đây là quả đã có trong nhân, nhưng về nghĩa sáu độ là có vô lượng. Phần thô, thị hiện tám môn, môn khác lược bớt không nói.

Từ trước đến nay, đã nói về pháp phần Bồ-đề, bốn nhiếp, sáu độ, đều tu tướng chung. Trong tu tướng chung, xét về các kinh, luận, mà lại nói rộng bốn vô lượng v.v... e rườm rà nên thôi.

- Tu riêng: Giai vị Tư lương, trong ba mươi bảy phần Bồ-đề, tu bốn Niệm trụ, bốn chánh đoạn và bốn Thần túc.

Lấy gì làm chứng?.

Luận Biện Trung Biên chép: “Do bốn thần túc, tâm có chịu được, có thể thuận với gốc lành của phần giải thoát, viên mãn xong, lại nên tu tập năm thứ tăng thượng”.

Đã nói rằng, do bốn phần giải thoát viên mãn, nhận biết một cách sáng suốt thần túc ở vị tư lương. Bốn niệm, bốn đoạn ở trước thần túc, cho nên cũng ở vị Tư lương.

Hỏi: Ba, bốn vị này trước hết tu pháp nào?

Đáp: Trước hết tu Niệm trụ, kế là bốn chánh đoạn, sau, bốn thần túc.

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp: Vì từ vô thủy đến nay, đối với cảnh thân, v.v... đã tạo ra các tướng nhiễm tịnh khác nhau, khởi yêu ghét, đắm chìm trong biển khổ, cho nên mới quán thân, thọ, tâm, pháp, bốn thứ này, cho là vô tướng, nên Trung Biên chép: “Nếu các Bồ-tát đối với cảnh thân, v.v... vì không có hành tướng chứng đắc, do suy nghĩ mà tu đối trị, dù quán bốn cảnh thân, v.v... đều là vô tướng, nhưng chưa thể dứt trừ chướng; kế là, tu bốn đoạn; Dứt chướng, đối tượng đoạn, nên Biện Trung Biên chép: “Nay vì xa lìa pháp chướng, đối tượng trị và tu tập đạo, chủ thể đối trị; đối với bốn chánh đoạn, tinh tấn siêng năng tu tập. Mặc dù chế phục được chướng, nhưng chưa có khả năng tùy ý mong muốn, đều thành sự v.v... lợi ích, yên vui”.

Cho nên tiếp theo, vì tu bốn thứ thần túc, nên Trung Biên chép: “Tu bốn thần túc, vì là nhân của các sự vượt hơn của điều mong muốn”.

Hỏi: Thần thông, phải có định mới phát khởi được, địa vị này được thông. Nói đã có định, vì sao luận khác nói: “Vị Tư lương mà trụ môn ngoại; môn ngoại tức là chẳng phải thuộc về định?”.

Đáp: Luận khác chỉ nói phần nhiều trụ môn ngoại, vì không nói “chỉ có ngoài”, nên cũng có định; tán phần nhiều vì ít định, nên nói đa số trụ môn ngoại, chuyển biến.

Lại, trong địa này cũng tu riêng mười pháp hạnh, nên luận Du-già chép: “Nghĩa là các Bồ-tát trước kia, ở địa hạnh thắng giải, y chỉ mười pháp hạnh, rất khéo tu tập, tức hai vị Tư lương, Gia hạnh này, gọi là hạnh địa thắng giải, chưa có khả năng chứng giải, chỉ là tín hiểu, nên gọi là Thắng giải”.

Mười pháp hạnh. Y cứ luận Hiển Dương chép:

1- Viết chép, ở tạng Bồ-tát, hoặc nhiều, hoặc ít, tôn trọng, cung kính, gọi là tự mình viết chép, hoặc bảo người viết chép.

2- Cúng dường hoặc kém thua, hoặc vượt hơn. Các phẩm vật cúng dường, nghĩa là tự cúng dường, hoặc đem vật của mình nhờ người cúng dường.

3- Bố thí cho người, hoặc tự mình viết xong, do thương xót người khác, mà bố thí cho họ.

4- Lắng nghe. Hoặc người khác đọc rõ, vì do kính mến tông.

5- Tự đọc, phát tín giải tịnh, tâm cung kính trân trọng.

6- Đọc tụng: Từ sự thọ rồi bèn đọc tụng.

7- Thọ trì: Đã đọc tụng xong, vì nhớ giữ vững chắc, dùng diệu trí rộng mà ôn tập.

8- Mở rộng, giảng nói, vì xót thương người khác, nên truyền trao cho họ, thuận theo rộng, lược mà giảng nói rộng cho họ nghe.

9- Suy nghĩ ở một mình chốn nhàn nhã, vắng lặng, ra sức khéo nghiên cứu, tìm tòi.

10- Tu tập: Như đối tượng suy nghĩ, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xa-na, v.v...

Hỏi: Mười pháp hạnh này, phải tu đức nào?

Đáp: Có thể: làm bạn giúp đỡ ba tuệ nghe, tư duy, tu v.v... nên bài tụng trong luận Trung Biên chép:

“Ban giúp đỡ này nên biết, tức là mười pháp hạnh”.

Lại nói: “Do tu mười pháp hạnh này mà được vô biên công đức”.

Hỏi: Đối với giáo của thừa nào, thực hành mười hạnh này, được

Vô lượng phước?

Đáp: Đối với giáo Đại thừa, chẳng phải Nhị thừa khác, nên luận Hiển Dương chép: “Đối với tạng Bồ-tát, Trung Biên cũng nói: “Ở Đại thừa có mười pháp hạnh”.

Vì sao?

Đáp: Trung Biên giải thích rằng: “1- Do vượt trội hơn. 2- Do vô tận, đối với Đại thừa, tu phước vô biên, chẳng phải Nhị thừa”.

Hỏi: Pháp môn, khuôn phép, vừa dứt dấu vết, giáo pháp bị chia rẽ, đâu không phải mê hoặc ư?

Vả chẳng, chí giáo A-hàm, xua đuổi ngã pháp, để lại chiếc nơm ẩn núp sâu xa, đều như trò ảo thuật.

Hoa Nghiêm chép: “Tất cả tâm khởi, pháp tánh không mất, bốn đức Niết-bàn; thể của ngã vô vi soi rọi, lập có, không lăng xăng, lộn xộn nhân, pháp, giao tiếp, song ruổi theo sự yếu hèn, mất mát, quay về phương hướng con đường nào? Nếu tồn tại ở ngã, pháp, thì sẽ dựa vào sự giẫm chân của ngoại đạo, loại xúc chạm đều không. Sách gần gũi hằng ngày luống tập, đâu thể khêu lấy hoa đốm hư không xỏ làm chuỗi anh lạc? Đắp đất ngăn ngọn lửa, nước thành ao hoa! Pháp giống với đây, làm sao bắt chước? Tất cả không tạo tác, mười hạnh luống thí, sự mâu thuẫn tồn tại ở đây, chúng sinh ngờ vực đâu dứt trừ?”.

Đáp: Thể pháp không khác, cảm, ứng có khác nhau; văn dù khác nhau, nhưng về lý thật ra đâu có khác nhau? Bởi vì hữu tình đã chấp ngã từ vô thủy. Đầu tiên, phân tích sự mê muội của hữu tình kia, nói ngã chẳng thật có. Nhị thừa do đây chấp ngã là không, vọng chấp ngoài tâm có thật pháp. Lại nữa, dứt trừ chứng bệnh có thật của Nhị thừa kia, mà nói chung là không. Như Lai nói pháp không không ngoài tâm, hữu tình không tổ ngộ, chấp tất cả không. Chứng bệnh không đã gia tăng, về lý, phải dứt bỏ, nên kinh Hoa Nghiêm chép: “Ba cõi do tâm, Niết-bàn bày tỏ vô vi ngã tịnh”.

Nói trong tâm hữu, bệnh chấp không do đó dứt trừ. Nói ngoài cảnh là không, bệnh chấp có ấy là nước rửa. Đã khác với ngoại đạo, thật xứng đáng nương tựa. Lại, không là hoàn toàn không, mười hạnh cần tu tập.

Hỏi: Đã nói đều không, nói đều chẳng phải có. Nếu có nội tâm, sao nói là đều không, nên Bát-nhã nói: “Soi rọi kiến, năm uẩn, v.v... đều không?”.

Đáp: Phật mật ý nói chung: “Tất cả là không”. Chí lý chỉ nói biến kế chẳng phải thật có; y tha, thành thật, nội thức chẳng phải không có,

không nói hai pháp này cũng là chẳng phải thật có.

Lấy gì để chứng minh?

Đáp: Kinh Giải Thâm Mật, luận Du-già chép: “Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con thường một mình ở chỗ vắng lặng, tâm sinh tâm tư như thế này: “Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng môn, từng nói tất cả tự tướng của các uẩn, tướng sinh, tướng diệt, dứt hẳn biết khắp, chưa sinh khiến sinh; sinh rồi trụ vững chắc, không quên tu tập tăng trưởng rộng lớn”. Đức Thế Tôn lại nói: “Tất cả các pháp đều không có tự tánh, không có sinh, không có diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn, chẳng hay Đức Thế Tôn y cứ vào đâu mà mật ý nói như thế?” Đức Thế Tôn đáp:

Này Thắng Nghĩa Sinh! Phải biết ta y cứ vào ba thứ vô tự tánh tánh, mật ý nói rằng: “Tất cả các pháp đều không có tự tánh, nghĩa là tướng không có tự tánh tánh; sinh không có tự tánh tánh, Thắng Nghĩa không có tự tánh tánh:

1- Rằng tướng biến kế chấp của các pháp. Tướng này do giả danh an lập làm tướng, chẳng phải do tự tướng an lập làm tướng; Danh, tướng vô tánh, mà nói tướng, là nương vào danh mà giả lập, chẳng phải biến kế này có thể tướng nên mới lập làm tướng, tức vì tướng không có tự tánh, là không có tánh đầu tiên, nên nói lập lại tánh. hai thứ còn lại, so sánh mà biết.

2- Gọi là tướng y tha khởi của các pháp: Tướng này dựa vào năng lực duyên theo người khác, cho nên có, chẳng phải tự nhiên có. Thế nên gọi là sinh vô tự tánh tánh, ý nói rằng: Y tha không do pháp tự nhiên mà sinh, gọi là Sinh vô tánh”.

3- Tướng viên thành thật của các pháp, cũng gọi là Thắng nghĩa vô tự tánh tánh, tánh vô ngã của pháp, gọi là Thắng nghĩa, vì đã rõ vô tự tánh tánh, do nhân duyên này nên gọi là thắng nghĩa vô tự tánh tánh.

Ý nói rằng: “Chân như là tánh vô ngã, thể tức Thắng nghĩa mà chẳng phải không có tánh, nhưng ngã, pháp được sáng tỏ bởi hai không, từ Thắng nghĩa kia, có khả năng làm sáng tỏ hai không là danh, cũng gọi là vô tánh”. Lại nói: “Ta y cứ vào ba thứ vô tự tánh tánh như thế, mật ý nói: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh tánh”. Lại nói: “Ta y cứ vào tướng vô tự tánh tánh, mật ý nói rằng: “Tất cả các pháp không có sinh, diệt, v.v... Vì sao? Vì nếu tự tướng của pháp đều chẳng có cái có, thì sinh chẳng có cái có. Nếu không có sinh thì sẽ không có diệt. Nếu không có sinh, diệt cho đến khoảng giữa đều không có chút phần cái có, lại có thể khiến cho Bát Niết-bàn”.



Trong đây đã nói: “Y cứ vào ba Vô tánh để nói các pháp là không”. Biết rõ không nói thành thật, y tha cũng chẳng phải có, vì thành thật, y tha mà thể chẳng phải là ba vô tánh. Lại, tất cả pháp nếu đều là không, thì thuở xưa, Như Lai nói pháp kia là không, chính là đúng với lý kia. Nay, vì sao Phật gọi là mật ý?”.

Phàm nói mật ý, vì không cùng tận lý, nên ở đây là nói: “Không tất cả, chứ chẳng phải y tha v.v... thật đều là không”.

Biết sáng suốt kinh A-hàm, Bát-nhã, v.v... thuận theo cơ nghi đã hóa độ, che chở, bàn luận nhau. Sinh do sâu dần, có thể nghe lời nói cuối cùng, nên Thâm Mật, v.v... bàn luận các pháp phi không, phi hữu, mới gọi là liễu giáo.

Hỏi: Vì sao biết như thế?

Đáp: “Đức Thế Tôn đầu tiên vào một thuở nọ ở chỗ vị tiên Bà-Na-lê-tư đang bị đọa trong rừng Thi Lộc, chỉ vì phát tâm thú hưởng thừa Thanh văn, Phật đã dùng tướng bốn đế xoay bánh xe Chánh pháp, dù rất kỳ lạ, thật là ít có, tất cả các trời, người, v.v... ở thế gian, trước đây đã không ai có khả năng chuyển đúng như pháp, mà bánh xe pháp đã xoay lúc đó có trên, có chấp nhận, là chưa liễu nghĩa. Các tranh luận này đâu đủ nơi chốn. Xưa, ở trong thời giáo thứ hai, Đức Thế Tôn chỉ vì người phát tâm thú hưởng, tu Đại thừa, y cứ tất cả pháp đều không có tự tánh, không có sinh, không có diệt, dùng tướng ẩn mật xoay bánh xe chánh pháp, dù lại rất kỳ lạ, rất là ít có, mà ở vào thời điểm đã xoay bánh xe pháp, cho đến tranh luận về nơi an túc. Đến nay, trong thời giáo thứ ba, Thế Tôn khấp vì người phát tâm thú hưởng tất cả thừa, y cứ tất cả pháp, đều không có tự tánh, không có sinh, không có diệt, xưa này vắng lặng, Niết-bàn tự tánh vô tự tánh tánh, để hiển bày rõ tướng xoay bánh xe chánh pháp. Thời giáo thứ nhất rất kỳ lạ, rất ít có”.

Đến nay, Thế Tôn đã xoay bánh xe pháp Vô thượng, không có chấp nhận, là nhân liễu nghĩa, chẳng phải các nơi an túc của tranh luận.

Nay, lược giải thích: “Bà-la-ni-tư, là âm Phạn, dịch là sông. Vị tiên bị đọa: Xưa có một vị vua dẫn các thể nữ đi dạo chơi trong công viên, có năm trăm vị tiên đang bay trên hư không định vượt qua, vừa trông thấy các thể nữ, bèn rơi xuống, mất hết thần thông”. Từ việc này mà đặt tên, nói là Tiên đọa xứ. Sự việc của Thi Lộc, như thường nên đều biết”.

Đầu tiên, Phật vì Nhất thừa nói nghiêng lệch bốn đế Pháp chẳng phải cuối cùng, gọi là chấp nhận có trên, e rằng Nhị thừa chấp không, chỉ nói y tha, viên thành là có, không nói biến kế mà thể là không, gọi

là chưa liễu, tức giáo bốn đế. Các bộ Tiểu thừa do đây trái nhau, gọi là tranh luận chỗ yên ổn.

Trong thời giáo thứ hai, Phật vì các Bồ-tát phát tâm thú hưởng Đại thừa, phá bệnh chấp có của Bồ-tát, vì nói Đại Bát-nhã. Y cứ vào chấp biến kế, nói các pháp không, e bệnh chấp có tăng thêm, nên chẳng nói y tha, Viên thành là có, gọi là cũng chưa liễu.

Trong thời giáo thứ ba, nói đủ ba tánh, biến kế gọi là không; y tha, viên thành gọi là Có, gọi là chân liễu nghĩa. Lại, không có pháp nào vượt hơn, gọi là chấp nhận Vô thượng.

Nói hai tánh có, Phật sẽ vì người phát tâm thú hưởng Đại thừa, nói nghĩa không của biến kế, sẽ vì người phát tâm Đại thừa đầu tiên, nói đủ ba tánh, tức sẽ vì Bồ-tát học lâu kia. Do đây, nên nói rằng: “Khắp vì người phát tâm thú hưởng tất cả thừa: Đại sư đã tự đoạn chỉ có không, hữu, gọi là không liễu nghĩa, nên không thể chấp chỉ có hữu, chỉ có không cho là chí cực”.

Vì tánh này chung cho giải thích các kinh, nên nói có, nói không, đâu có sai với lý chung. Nếu chỉ nói có thì sẽ nói từ Thành thật, y tha. Nếu nói chung không, thì sẽ biểu thị rõ dựa vào biến kế sở chấp. Hữu, “không” đều nêu. Đối với ba tánh mà nói, thì không, hữu đều mất. Y cứ vào nghĩa dứt lời nói, là do mê, tâm không tỏ ngộ một hạnh, còn không thể nương tựa đạt sĩ thông suốt tánh, mười pháp đồng tu đâu có lỗi”.

Hỏi: Hữu tình chìm đắm, vốn do phiền não. Vị này chưa chế phục, còn ở môn ngoài, sao lại có thể tiến tu hạnh cao siêu? Đối với quả Vô thượng, siêng cầu không thối lui?

Đáp: Nhiếp luận quyển 6, Duy Thức quyển 9 đều nói: “Hai chướng của giai vị này dù chưa hàng phục, dứt trừ, khi tu hạnh cao quý, có ba lui sụt, chịu khuất, có thể dùng ba việc để luyện mài tâm mình. Đối với đối tượng chứng, tu mạnh mẽ không lui sụt”.

1- Nghe Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, sâu xa, rộng lớn, tâm bền lui sụt, chịu khuất, dẫn chứng người khác đã chứng đại Bồ-đề, luyện mài tâm mình, mạnh mẽ không lui sụt.

2- Nghe nói Ba-la-mật-đa thí, v.v... rất khó có thể tu, tâm bền lui sụt khuất phục, cảnh tỉnh ý ưa thích của mình có thể tu thí, v.v... luyện mài tâm mình, mạnh mẽ không lui sụt.

3- Nghe nói chư Phật chuyển Y viên mãn, rất khó có thể chứng, tâm bền lui sụt, dẫn phát việc thô của người khác, hướng chi diệu nhân của mình, luyện mài tâm mình, mạnh mẽ không lui sụt.

Do hai việc này mài luyện tâm mình, phấn khởi tu các hạnh cao

quý một cách vững chắc.

Hai ý đầu tiên nói: “Kia là trượng phu mà có khả năng thành Phật, làm được việc khó làm, như bố thí, v.v... ta cũng trượng phu, sao không thể tu hành thành Phật”.

Ý thứ ba: Như người thế gian tu điều lành nhỏ nhoi, việc lành nhỏ cũng chiêu cảm quả lớn của người, trời”.

Ta đã tu hạnh cao quý vô biên, vì sao không thể chiêu cảm quả Bồ-đề?

Lại, tụng của Nhiếp luận chép: Vô lượng các hữu tình mười phương, niệm niệm đã chứng quả Thiện Thệ.

Hữu tình kia là trượng phu, ta cũng thế, không nên tự xem thường mà lui sụt. Vì sự mài luyện này, nên không lui sụt.

Vì vị Gia hạnh kia tu năm căn, lực, nên luận Trung Biên chép: “Trong phần quyết trạch hai thứ Noãn, Đảnh ở vị năm căn; Nhẫn, Thế đệ nhất ở vị năm lực; quyết trạch tức là vị Gia Hạnh”.

Hỏi: Trước hết tu pháp nào?

Đáp: Trước tu căn, sau lực, nên Trung Biên chép: “Thuận với phần giải thoát, gốc lành viên mãn. Lại nữa, nên tu tập năm thứ tăng thượng. Năm thứ tăng thượng tức năm căn, tiếp theo, tu năm lực, tức năm căn trước, có công năng chế phục chướng, không bị chướng khuất phục. Công năng chuyển biến vượt hơn, vì sửa đổi đặt tên là lực, nên Trung Biên chép: “Tức năm căn như tín, v.v... đã nói ở trước, có thể dụng vượt hơn. Lại nữa, nói Lực, nghĩa là công năng hàng phục, diệt chướng như bất tín, v.v... cũng không vì bị chướng kia lấn hiếp, xen lẫn. Lại, kinh Đại Tập chép: “năm căn, năm lực, vì không có tự thể riêng, nên biết được y cứ ở dụng đề chia thành hai”.

Hỏi: Năm căn này làm sao có thứ lớp này?

Đáp: Căn này dựa vào tướng nhân quả, dẫn sinh ra mà lập, nghĩa là nếu tin quyết định có nhân quả thì vì được quả, nên phát ra tinh tấn này. Phát tinh tấn rồi, ấy là trụ trong chánh niệm; trụ chánh niệm rồi, tâm được thanh định. Tâm được định rồi, sẽ biết như thật. Đã biết như thật, thì không có việc gì không giải thích được. Nên do nghĩa này có thứ lớp này. Hai vị Noãn, Đảnh mà tu năm căn; Nhẫn, pháp Thế đệ nhất tu năm lực kia, dẫn chứng như trước.

Lại, tu quán Duy thức trong bốn vị Noãn, v.v... này, hai vị Noãn, Đảnh, là quán cảnh sở duyên (đối tượng duyên) lia thức đều không có. Nhẫn, Thế đệ nhất, in dấu vết cảnh, đối tượng nhận lấy, quán tâm, chủ thể nhận lấy cũng không có thật, nghĩa là tự vô thủ đều ẩn núp trong

đêm tối trông thấy cây rừng cao chót vót, lưới nghi giăng kín, chẳng phải tổ ngộ tất cả đều chỉ có tâm mình; chấp giả đối sáu trần, ngoài thức, người khác tạo nên nhân ở sóng chìm, nổi chìm không ngừng; đi khắp qua lại từ dưới lên trên đâu có thôi dứt.

Do Bồ-tát này dựa vào nhân bạn lành, tác ý tư lương, lợi ích cho mình, lợi ích cho người.

Tu quán Duy thức, trước là y chỉ Noãn, Đảnh, quán không có đối tượng nhận lấy. Đối tượng nhận lấy là gì? Tức là tự tánh khác nhau của danh, nghĩa, ngoài thức không có.

Bốn thể là sao?

Đáp: Luận Nhiếp Đại Thừa chép: “Danh ở đây, nghĩa là sắc, thọ, v.v... Nghĩa: Như danh, thân v.v..., đối tượng giải thích, tiêu biểu là đắc. Tự tánh của uẩn, giới, xứ, v.v... tức là tự thể của hai thứ: Danh, nghĩa. Khác nhau: tức là trên danh nghĩa, v.v... gọi là nghĩa khác nhau của vô thường, v.v... Tâm tư bốn thứ này chỉ là giả, chẳng phải thật; giống với chuyển biến của tướng ngoài, thật ra chỉ chứng biết nội tại. Bốn thứ lương đối biểu hiện rõ ràng, thuộc về Y tha khởi. Liễu đạt bốn thứ nghĩa biến kế sở chấp đều không thật có, trong đây ý nói: “Bốn thứ danh, nghĩa, v.v... gồm thấu tất cả cảnh. Cảnh dựa vào duyên của thức mà sinh, chẳng thật mà dường như có, thuộc về y tha khởi”.

Không rõ bốn thứ này đều dựa vào duyên sinh của thức, chấp giả đối ngoài thức có tự thể thật, pháp ngoài tâm kia mà thật sự không có, gọi là kế biến sở chấp.

Bồ-tát quán tự tánh khác nhau của danh nghĩa ngoài quán này, đều không thật có, đó gọi là quán cảnh không có đối tượng nhận lấy; chẳng phải quán này đối với cảnh không lìa thức, cũng không thật có.

Nếu như thế, thì sẽ có lỗi gì?

Đáp: Thành lỗi điên đảo, vì duyên sinh của pháp không lìa thức, mà dường như có, vì tám hữu vi không thật có, nên trở thành điên đảo, vì thế kinh Lăng-nghiêm chép: “Do tự tâm chấp mắc, tâm dường như cảnh ngoài chuyển, môn ta nói tất cả chỉ có thức, không có chi khác”. Lại kinh Hoa Nghiêm chép: “Như người ngu đã phân biệt cảnh ngoài, thật sự đều không có. Vì tập khí vẫn đục tâm, nên dường như cảnh kia mà chuyển biến”. Lại, kinh Đại Tập chép: “Tất cả pháp hữu vi đều lấy thức làm hạt giống”.

Lại, Hoa Nghiêm chép: “Pháp mà thế gian nhìn thấy chỉ lấy tâm làm chủ, tùy thuộc sự hiểu biết, nhận lấy các tướng, điên đảo chẳng đúng như thật”.

Vì y cứ các kinh này, nên biết được ngoài thức, các pháp đều không thật có; nếu không lia thức, có thể chấp nhận dường như có.

Hỏi: Thể của pháp không lia thức đã chẳng phải không có, vì sao gọi là tương tự?

Đáp: Các pháp lia lời nói, lời nói giải thích không theo kịp, người ngu chấp giả dối, tướng giả thích hợp với tình, không hiểu rõ nội tâm, chấp là ngoài có. Nay, rõ ràng pháp nội dường như tình giả dối kia, cho nên, gọi là mường tượng, chẳng phải nói dường như, tức gọi là pháp, vì bản thể của pháp, mà lia lời nói nên đối với vọng tình kia gọi là dường như.

Hỏi: Dù truyền trao Thánh chỉ, bác bỏ cảnh, lưu lại nơi tâm, do sự sai lầm rõ rệt của sự việc, vật có trái ngược, còn đất được che bởi lòng trời, được chuyên chở bởi kiệu, núi sông, muôn loài, bông cây trôi ngàn thứ khác nhau, hiện xét sự việc, sao quyết đoán chẳng thật có?

Đáp: Biển, lâu đài, tôn sùng, cao chót vót, hơi tò vò hư cấu; cảnh sắc lằng xằng, tướng tâm tạp nhập huyền ảo khởi; lâu đài không phải vượt qua tò vò. Kẻ mê muội chấp tò vò khác với lâu đài, cảnh không lia ngoài tâm; người mê hoặc chấp cảnh chẳng phải thức. Nếu tin cảnh chẳng phải thật thì tùy tâm có thể nhìn thấy khác nhau. Chấp cảnh là chân, sao lại quán đồng, quán khác? Đây là con người ngắm nước sạch, cá nhìn thấy nhà đẹp, trời nhìn thấy lưu ly, quỷ dòm là ánh lửa, chỗ ấy là một. Thấy có bốn thứ khác nhau, tin có thể do tâm chẳng? Sự biến đổi khác nhau. Lại, nếu trong tầng nham thạch của núi cao, chẳng có vết bánh xe của người đi bộ. Oai thần của người thợ vĩ đại, ra vào, xếp đặt ở con đường bằng phẳng. Đây gọi là phạm tình tự ngăn cách, núi ủy tắc không đi suốt qua được. Trí Thánh viên dung, xuyên qua đá, hư không nào ngăn cách? Dù núi là một nhưng thông suốt và bít lấp là hai việc khác nhau. Chuyển đổi đã tự nơi tâm, lia ngoài thức, nói chẳng phải có thật, dù là ở lời nói này. Sự còn mất rõ ràng, sao cho đến lối rẽ, ôm ấp mãi mãi tánh do dự rụt rè, là lời nói chí lý! Muôn pháp đều do tâm, không có một vật nào chẳng phải tâm, nên kinh Hoa Nghiêm chép: “Tâm như người thợ vẽ, vẽ nên các thế gian, năm uẩn đều do duyên sinh, chẳng pháp nào mà không tạo”. Lại nói: “Nếu người nào biết tâm vận hành, tạo khắp các thế gian, thì người ấy sẽ thấy Phật, hiểu rõ tánh chân thật của Phật, đó tức là Bồ-tát ở địa vị Noãn, đánh, quán đối tượng nhận lấy, về danh nghĩa của Noãn, Đánh đã được giải thích như trước”.

Hỏi: Dùng trí nào để tạo nên quán này ư?

Đáp: Dùng trí gia hạnh của bốn tâm, tư để tạo ra quán này. Thể trí là một, đối cảnh được chia làm bốn. Bốn cảnh tức sự khác nhau về tự tánh của danh, nghĩa trước kia. Dùng trí để suy tìm. Bốn thứ này vì giả có, thật chẳng có, nên trí có công năng tìm tòi, gọi là bốn tâm tư. vì thế, nên Nhiếp Luận nói: “Vào lúc gia hạnh, hạnh tìm tòi, mong cầu thấy giả có, thật không có, gọi là tâm tư, nên biết tâm, tư tức trí gia hạnh quán bốn”.

Kế là y cứ vào nhãn, để lại dấu vết đối tượng nhận lấy không thật có, quán thức, chủ yếu nhận lấy cũng lại không có. Pháp Thế đệ nhất, cả hai in dấu vết chủ thể nhận lấy, đối tượng nhận lấy đều không thật có.

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp: Bốn tâm tư kia đã quán sát đối tượng nhận lấy là không thật có, chưa ấn khả lập lại. Nay, ấn khả lại chủ thể, đối tượng nhận lấy kia quyết định là không thật có, nên gọi là Nhãn. Lại tâm, chủ thể nhận lấy đối cảnh mà lập. Một khi cảnh đã chẳng có thật, thì tâm đâu có thật? Cũng như do gió mà sóng nổi lên; gió dừng thì sóng lặn; nhờ vào cảnh, mà tâm sinh, cảnh không có thì tâm diệt. Nhãn này dù cũng in dấu chủ thể nhận lấy là không, mà vẫn chưa song song chủ thể ấn khả đối với cảnh của thức, nên Thế đệ nhất mà có thể in dấu song song với cảnh, thức đều là không.

Hỏi: Cảnh ngoài vốn không, nói là không thật có, không trái với chánh lý; thức bên trong do nhân khởi, không có tông trong sai lầm?

Hoa Nghiêm nói: “Ba cõi do tâm”. Đại Tập chép: “Thức là hạt giống pháp”. Y cứ Thánh chỉ ở đây, nghĩa có trong sáng rõ ràng, đâu được nay nói: “Cảnh đồng chẳng phải có?”.

Đáp: Thức chuyển y tha dường như có, chẳng phải không có, tâm chấp có thật biến kế chẳng phải có. Nay, quán không có tâm biến kế chấp kia, không nói là thể của thức y tha chẳng phải có, nên Duy thức chép: “Nếu chấp Duy thức là có thật, thì cũng thuộc về biến kế, do đó Thánh giáo đều không trái nhau”.

Hỏi: Thức y tha có, gọi là Duy thức; cảnh trong chẳng phải không có, lẽ ra phải gọi là “Duy cảnh mới phải chứ?”.

Đáp: Thức y tha có, lại có thể biến đổi cảnh; dù cảnh có bên trong, nhưng chẳng thể biến đổi thức, nên nói là Duy thức, không gọi là duy cảnh. Lại, thể của cảnh chung cho trong, ngoài; Ngoài không có, trong có, thức chỉ là trong. Nếu cảnh nói “duy” thì e sẽ lạm quá cảnh ngoài cũng là có thật. Do cảnh có lạm quá, cảnh không nói duy, vì thức

chẳng có lỗi này, nên nói Duy thức.

Hỏi: Trí nào có thể quán thức, v.v... biến kế là không có ai bằng?

Đáp: Bốn trí như thật; vì trí này là quả của trí tầm, tư ở trước; nên Nhiếp luận chép: “Biết rõ có giả, chẳng có thật, đã được quyết định tướng quả phương tiện của trí gọi là trí như thật”.

Nói biết rõ giả có, thật không có, tức tầm từ, nên biết thật trí là quả tầm, từ.

Hỏi: Dù quán tâm, cảnh của biến kế đều không, nhưng tâm, cảnh này là không, tu ở vô tướng, lại thuộc nhiếp ích nào?

Đáp: Không hiểu rõ nội tâm, chấp luống dối cảnh ngoài. Cảnh ngoài đã chấp, do thêm tham, v.v... Tham, v.v... đã lừng lẫy thì mù lòa, không có mắt Thánh; mắt Thánh không khởi, không đạt chân lý; chân lý chưa chứng, đâu mất hoặc, nghiệp? Hoặc, Nghiệp còn thì, đắm chìm năm cõi, năm cõi không thôi dứt, đâu lên quả cùng cực? Rõ biết nội tâm, chẳng chấp cảnh ngoài. Cảnh ngoài không chấp, ấy là chấm dứt tham, v.v... Tham, v.v... đã dứt, sẽ sinh ra mắt Thánh, mắt Thánh đã sinh, thì có khả năng đạt chân lý. Chân lý đã chứng, ấy là dứt trừ hoặc, nghiệp. Do hoặc, nghiệp đã mất, quả năm cõi dứt. Năm cõi đã dứt rồi, ấy là lên quả Phật. Vì có thắng lợi này, nên tu quán này. Thâm Mật, Du-già có bài tụng rằng:

*Nếu không biết rõ pháp Vô tướng  
Pháp tướng tạp nhiễm không thể dứt  
Vì không dứt pháp tướng tạp nhiễm  
Nên hoại chứng mâu, pháp tướng tịnh  
Không quán lỗi lầm của các hành  
Lỗi lầm buông lung hại chúng sinh  
Lười biếng pháp trụ trong pháp động  
Không có lỗi, hoại, đáng thương xót.*

Hỏi: Vị Gia hạnh này có thể quán tâm, cảnh biến kế đều không, sao lúc này không là này chứng chân như?

Đáp: Vị Gia hạnh này dù quán tâm, cảnh của biến kế, nhưng vẫn chưa thể dứt trừ tướng không, hữu. Do có tướng này nên không thể chứng lý, chủ yếu hai tướng mất, mới đạt chân lý, nên Duy Thức chép: “Vì hai tướng không, hữu kia chưa dứt trừ, kèm tướng quán tâm có đối tượng chứng đắc, nên chẳng phải thật sự an trụ lý chân Duy thức, khi tướng quán tâm kia đã dứt rồi, mới thật sự an trụ”.

Lại, trong vị Gia hạnh này, tu song song cả quán an lập, và phi an lập, tức bốn đế, v.v... gọi là an lập. Quán hai không bình đẳng, gọi là

phi an lập.

Đây chính là nói lược về hành tướng tu khác nhau trong địa vị Gia hạnh.

Tướng tu khác nhau của vị Thông đạt: Vì tu bảy chi giác, nên luận Trung Biên chép: “Do giai vị chi giác này ở Kiến đạo, nên tu bảy giác kia trong Kiến đạo. Về danh, nghĩa bảy giác đã nói như trước. Lại, vì chân tướng trong kiến đạo khác nhau, nên trong chân kiến đạo, hoặc nói là sát-na của ba tâm, hai tâm: Hai tức Vô gián, kể cả giải thoát; Ba nghĩa là Vô gián, giải thoát và Thắng tấn, nên Duy Thức chép: “Đoạn hoặc, chứng diệt, vì tâm trông mong khác nhau, nên vô gián đoạn hoặc, giải thoát, chứng diệt. Tướng kiến có ba, ba tâm tướng kiến”. Tập Tập, Duy thức, Du-già, v.v... chép: “1- Nội tại, trừ bỏ pháp giả của hữu tình, duyên tâm sinh có công năng trừ phẩm nhuyến, phiền não thô nặng, đối tượng dứt của kiến đạo. Hai nghĩa là dứt bỏ cái giả của các pháp; pháp duyên tâm sinh, trừ được phẩm trung, phiền não thô nặng, đối tượng dứt của Kiến đạo. Ba là loại bỏ khắp cái giả của các pháp, của tất cả hữu tình; pháp duyên tâm sinh, dứt trừ được phiền não thô nặng đối tượng đoạn của kiến đạo”.

**Giải thích rằng:** “Trước kia, chấp hữu tình là có, nay duyên hữu tình chỉ có nội tâm, giống như hữu tình hiện hữu, thật sự chẳng có tự thể, gọi là giả, có thể dứt trừ được chấp giả dối, vì hữu tình giả. Cho nên gọi là trừ bỏ cái giả của hữu tình. Lý chân như được sáng tỏ bởi Sinh không, gọi là pháp Duyên trí này sinh, gọi là duyên tâm khởi”.

Pháp quán thứ hai, pháp khác đồng với trước. Song quán thứ ba hai không Như và pháp, pháp khác cũng đồng với ở trên.

Tiếp theo, kiến đạo của mười sáu tướng tâm: Luận Đối Pháp chép: “Nghĩa là khổ đế có bốn thứ tâm”:

1- Khổ pháp trí nhãn. Nghĩa là quán chân như, khổ đế của ba cõi.

2- Khổ pháp trí. Nghĩa là nhãn vô gián, quán chân. Như trước kia, chứng giải thoát, phiền não trước kia đã dứt.

3- Khổ loại trí nhãn. Nghĩa là trí vô gián, tuệ vô lậu sinh; đối với pháp trí nhãn đều chứng trong riêng. Nói Thánh pháp trở lên, đều là loại này.

4- Khổ loại trí. Nghĩa là trí vô lậu, vô gián này sinh, xét định, ấn khả khổ loại trí nhãn.

**Giải thích:** Khổ, nghĩa là khổ đế; pháp: là giáo pháp tăng thượng mà khổ đế đã khởi. Trí giả: Nghĩa là duyên khổ pháp trí trong đạo



phương tiện.

Nhẫn: Nghĩa là trong khổ đế, đã khởi tuệ vô lậu hiện chứng.

Hai khổ, pháp trí nghĩa là Nhẫn vô gián: Kế trước nhẫn sau mà khởi duyên như; gọi là Vô gián, nhẫn khác có thể đều như vậy.

Khổ đế đã như vậy, ba đế còn lại, mỗi đế đều có bốn, y cứ vào khổ đế nói.

Lại, mười sáu tâm này, tám quán chân như, tám quán chánh trí. Pháp nhẫn, pháp trí mà duyên sinh như; Loại nhẫn, loại trí mà duyên vào trí.

Kế là vị Tu tập, tu tướng riêng: Tu tám Thánh đạo trong phần Bồ-đề, luận Biện Trung Biên chép: “Vì ở trong tu đạo mà kiến lập”. Lại nói rằng: “Một chi phân biệt: tức chánh kiến, chánh kiến này dù là thế gian, nhưng đặc sau xuất thế gian, vì chủ thể phân biệt tự chứng đặc trong giai vị Kiến đạo”.

Đại ý luận này nói: “Vì thể của chánh kiến này là trí Hậu đắc, nên gọi là thế gian; chẳng phải hữu lậu, gọi là Thế gian. Đã nói thế gian, lại vì nói phân biệt đối tượng chứng của Kiến đạo, nên biết được tu đạo là tu tám Thánh đạo. Lại, mười địa của vị Tu tập khác nhau. Nói chung, mỗi địa đều tu mười Ba-la-mật. Nếu y cứ chỗ nói riêng thì Mười địa, như thứ lớp, đều tu một độ. Ở giai vị rốt ráo mọi đức đầy đủ sáng sủa, không còn có tu tập”.

Nói Tu tập có lỗi gì?

Đáp: Nếu thừa nhận còn tu, thì sẽ không gọi là Vô học; cũng không được nói chư Phật bình đẳng, tiến thu không dứt, vì trước sau khác nhau. Đã nói là Vô học, lại xưng là bình đẳng, là chứng minh quả không có tu tập, nghĩa là không có hoặc. Nên Duy thức chép: “Đây là chướng ngại quả Phật viên mãn, vì pháp lành không có thêm, không có bớt, nên chẳng phải chủ thể huân tập. Nếu pháp lành kia có thể huân tập, ấy là chẳng phải viên mãn, vì quả Phật trước sau lẽ ra có hơn, kém”.

Nói chủ thể huân tập: Tức nghĩa tu tập. Vì quả Phật đã chẳng thừa nhận có công năng huân tập, nên biết được vị Phật tức không có tu tập.

Từ trước đến nay, mặc dù có giải thích chung, riêng khác nhau, nhưng vẫn thích hợp trong đoạn lớn thứ hai, nói về tu hành xong.

Kế sẽ nói về dứt, chướng, được chia làm hai: Đầu tiên: là nói về hai chướng; sau nói về vị đoạn.

Trong phần đầu lại có bốn:

- 1- Giải thích tên chung của hai chương.
- 2- Thuận theo liệt kê, giải thích riêng
- 3- Y cứ vào thức để phân biệt
- 4- Giải thích rõ về câu sinh phân biệt.

1- Nói phiền não chương: Phiền não là khuấy nhiễu; não nghĩa là loạn. Vì nhiễu loạn hữu tình, không để cho ra khỏi biển khổ sinh tử, nên gọi là phiền não.

Chương là: Ngăn che, che lấp, tức phiền não này che lấp Niết-bàn, không được giải thoát, gọi là phiền não chương.

2- Nói chương sở tri: Tất cả các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi là cảnh nên biết. Do chương che lấp cảnh sở tri kia, ngăn ngại tâm, chủ thể duyên, khiến cho tâm đối với cảnh mà không hiểu rõ, gọi là chương sở tri.

Y cứ vào thật, hai chương đều che ngăn hai quả; y cứ nói riêng, trước chương ngại Niết-bàn, sau ngăn che Bồ-đề.

3- Thuận theo liệt kê, giải thích riêng: “Trước, nói về phiền não, sau nêu lên sở tri”.

Trong phiền não ở trước nói về căn bản, sau bày tỏ tùy hoặc.

Nói căn bản: Nói chung có sáu thứ: Nghĩa là tham, giận, si, mạn, nghi, ác kiến: Rằng vì sáu thứ này là căn bản của tùy phiền não, nên được gọi là căn bản.

Nói tham: Nghĩa là ham vui, chấp mắc làm tánh. Giận lấy tổn hại làm tánh. Si lấy việc mê muội tối tăm đối với các sự, lý làm tánh.

Mạn: Cậy mình cao hơn người làm tánh.

Nghi: Đối với các đế lý, lấy sự do dự, rụt rè làm tánh.

Ác kiến: Đối với các đế lý, lấy tuệ nhiễm điên đảo, tìm tòi, so đo làm tánh. Tánh là bất thiện. Hoặc lại vì thuộc về hữu phú vô ký, nên gọi chung là ác.

Sự khác nhau trong ác kiến này cũng có năm:

1- Tát-ca-da kiến: Đối với năm thủ uẩn, chấp ngã, ngã sở. Kiến này chấp pháp năm uẩn kia làm ngã, ngã sở, nên cũng gọi là ngã, ngã sở kiến.

2- Biên chấp kiến. Nghĩa là đối với năm uẩn kia tùy thuộc chấp đoạn, thường. Ý này nói: “Sau ngã kiến, khởi chấp ngã mà ngã kiến kia đã chấp, là đoạn, là thường, nên gọi là biên”.

3- Tà kiến. Tất cả kiến trái ngược, đối với sự sở tri, điên đảo mà chuyển, đều gọi là Tà kiến.

4- Kiến thủ: Nghĩa là đối với các kiến và uẩn, đối tượng nương

tựa, chấp là hơn hết, có thể được thanh tịnh. Đại ý nói: “Nói các kiến, nghĩa là sự khác nhau của sáu mươi hai kiến chấp khác nhau, nên gọi là các, tùy thuộc ở hai kiến khác nhau mà mình đã học, chấp vào kiến này và thể của năm uẩn, đối tượng nương tựa của kiến, mà là vượt hơn, có thể được thanh tịnh, giải thoát, ra khỏi, gọi là kiến thủ”.

5- Giới thủ. Nghĩa là đối với thuận theo các kiến, giới cấm và uẩn, đối tượng nương tựa, chấp là vượt hơn, có thể được thanh tịnh. Ý nói: “Nghĩa là các ngoại đạo đều dựa vào kiến chấp của mình mà thọ các giới, giới do kiến khởi, gọi giới thuận kiến. Chấp vọng giới này và thể của năm uẩn, đối tượng nương tựa của giới là hơn hết, có thể được quả thanh tịnh Niết-bàn, nên gọi là giới thủ. Sau, tùy phiền não là phẩm loại đẳng lưu căn bản”. Lại nữa, vì dựa vào kiến kia để lập, nên được gọi bằng tên tùy, nên luận Du-già nói: “Như thế, đã nói các tùy phiền não, phải biết đều là tùy hoặc của phẩm loại phiền não khác nhau, có hai mươi thứ”:

1- Phẫn: Dựa vào đối với cảnh không lợi ích hiện tiền, phẫn phát làm tánh.

2- Hận: Do phẫn làm trước, giữ việc ác không bỏ, kiết oán làm tánh.

3- Phú: Đối với tội mà mình đã gây ra, sợ mất danh dự lợi dưỡng, che giấu làm tánh.

4- Não: Phẫn, hận làm trước, xúc não, bạo ác, nóng nảy, hung tợn làm tánh.

5- Ganh tỵ: thân mình quay cuồng theo danh lợi, không chịu được trước sự vinh hiển của người khác, ganh ghét làm tánh.

6- San: Đắm mê tài pháp, không thể ban cho, xả thí, lấy sự keo kiệt làm tánh.

7- Cuống: Vì được danh dự, lợi dưỡng, làm ra vẻ có đức, dối trá làm tánh.

8- Siểm: Vì bị người khác giăng lưới, nên giả vờ, đặt ra dáng dấp lạ, hiểm hóc, cong vạy làm tánh.

9- Hại: Đối với các hữu tình, không có tâm thương xót, tổn hại làm tánh.

10- Kiêu: Đối với sự nghiệp thịnh vượng của mình, sinh sâu chấp mắc, say sưa, ngạo mạn làm tánh.

11- Không biết hổ: không chiếu cố đến pháp mình, khinh thường, chống đối bậc Hiền thiện, làm tánh.

12- Không biết thẹn: không đoái nghĩ thế gian, bạo ác làm tánh.

13- Trạo cử, khiến tâm đối với cảnh, không vắng lặng làm tánh.

14- Hôn trầm, khiến tâm đối với cảnh, không thể gánh vác làm tánh.

15- Bất tín, đối với thật đức, không thể nhận nhận, tâm ưa muốn trước làm tánh.

16- Lười biếng: Đối với việc tu đoạn trong phẩm thiện ác, thì trở nãi làm tánh.

17- Buông lung: Đối với phẩm nhiễm, tịnh, không thể đề phòng, lấy phóng đãng làm tánh.

18- Thất niệm: Đối với các đối tượng duyên, không thể ghi nhận sáng suốt làm tánh.

19- Tán loạn: Đối với các đối tượng duyên, để cho tâm lơ là làm tánh.

20- Bất chánh tri: Đối với cảnh đối tượng quán, hiểu sai lầm làm tánh.

Kế là, chương sở tri căn bản cũng có sáu, tùy có hai mươi, đồng với phiền não.

Vì sao như thế?

Đáp: Vì phiền não dựa vào sở tri chương mà lập, do chủ thể nương tựa, đối tượng nương tựa, nên số bằng nhau, nên Duy thức chép: “Chương sở tri: Tùy thuộc đối tượng thích hợp của sở tri chương, hoặc nhiều, hoặc ít, như phiền não nói”.

Như thế, so sánh mà biết, số đồng với phiền não, lại không nêu riêng.

- Y cứ vào thức phân biệt.

Hỏi: Các phiền não này, trong tám thức, tương ứng với thức nào?

Đáp: Vả lại, căn bản mười, y cứ Duy thức chép: “Tạng thức thứ tám hoàn toàn không tương ứng”.

Mạt-na thứ 7 có bốn câu khởi. Nghĩa là tham, si, mạn và ngã kiến.

Ý thức thứ sáu, hoàn toàn đều tương ứng. Năm thức như nhãn thức, v.v... chỉ có ba thứ, gọi là tham, sân, si.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Thức thứ tám chỉ là tánh vô ký gồm sáu phiền não ô nhiễm. Vì tánh đã khác nhau, nên không phải đều có. Thức thứ bảy nối tiếp nhau, thường ở nội tại, vì chấp ngã ái, ngã sở chấp, nên được có tham, thật sự chẳng phải ngã kia, mê muội, không có ngạo mạn, đối với pháp phi ngã, chấp giả dối là ngã, nên có ngã kiến.

Vì sao không có kiến khác?

Đáp: Vì ái ngã, nên không được khởi giận; ngã kiến quyết định không được khởi hòai nghi, vì có ngã kiến, nên không có biên kiến khác, vì thể của năm kiến này đều là tuệ, nên không thể một tâm nhiều tuệ chung khởi, cho nên thức thứ bảy chỉ bốn hoặc đều có.

Ý thức thứ sáu chung cho khắp ba tánh, duyên cảnh trong, ngoài có công sức vượt hơn, nên được đủ mười. Năm thức như nhãn thức v.v... vì không thể xứng lượng, nên không có ngạo mạn; vì vô phân biệt nên không được nghi ngờ; vì không khởi chấp, nên không có năm kiến.

Tùy phiền não: Vì tùy phiền não này chỉ có nhiễm, nên chẳng phải đều có với thức thứ tám.

Trong thức thứ bảy chỉ có tám đại, đó là trạo cử, hôn trầm, bất tín, biếng nhác, buông lung, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.

Ý thức thứ sáu chấp nhận tất cả đều có. Năm thức được tám mươi thứ tương ứng với vô tâm, vô quý, trạo cử, v.v...

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì nghĩa thứ tám, thứ sáu, đồng với giải thích ở trước, vì tám trạo cử, v.v... khắp các tâm nhiễm. Vì thức thứ bảy là nhiễm, nên được tám đều có, năm thức có nhiễm cũng được có tám.

Vô tâm, vô quý khắp tâm bất thiện, năm thức như nhãn thức, v.v... vì có bất thiện, nên được tương ứng. Tiếp theo là, chương sở tri: Số nhiều, ít tương ứng với các thức, vì cũng đồng với phiền não, nên Duy thức chép: “Trong bảy chuyển thức, tùy thuộc đối tượng thích ứng của chuyển thức, hoặc sánh đồng, nên nay không nói”.

4- Giải thích rõ câu sinh phân biệt: Nếu phiền não này không nhân tà giáo và sức tà phân biệt, tà sư, v.v... mà tự nhiên khởi, thì các loại này gọi là Câu sinh. Nếu chủ yếu ở bạn ác và tà phân biệt, tà giáo, v.v... mới được sinh, thì gọi là phân biệt. Trong mười thứ hoặc căn bản kia, thì tham, giận, mạn, si, thân kiến, biên kiến, sáu thứ này chung cho Câu-sinh kể cả phân biệt; hoặc nghi, tà kiến, kiến thủ giới thủ; Bốn thứ này chỉ là phân biệt khởi, do bạn ác, hoặc sức tà giáo tự xem xét suy nghĩ quán sát mới được sinh.

Tùy phiền não kia, đã dựa vào phiền não căn bản mà sinh. Nếu dựa vào căn bản, câu sinh khởi, thì tức hai mươi thứ có thể dựa vào tùy hoặc, đều gọi là Câu sinh. Nếu dựa vào căn bản, hoặc phân biệt khởi thì có thể dựa vào tùy hoặc, đều gọi là phân biệt, nên Duy Thức chép: “Hai mươi đều chung cho Câu sinh phân biệt, vì tùy thuộc thế lực của hai phiền não khởi, vì sở tri kia, nên chẳng nói riêng”.

Bốn đoạn khác nhau, đều là thứ nhất nói về chướng kia, về sau, nói về vị đoạn: nhưng dứt bỏ phiền não, gồm có hai thứ:

1- Dứt bỏ hạt giống, khiến vĩnh viễn không có dư sót.

2- Chỉ chiết phục, khiến cho năng lực hạt giống suy yếu, không sinh hiện hoặc. Nếu dứt bỏ hạt giống kia, chỉ có trí vô lậu; hoặc khiến năng lực suy yếu, hai trí hữu lậu, vô lậu đều được. Vả lại, vị tư lương, tỏ ngộ ngay, trí vô lậu của Bồ-tát chưa khởi hiện hành; hoàn toàn không thể dứt hai chướng kia. Dù có bốn lực tin lý Duy thức, nhưng cũng chưa thể chiết phục được hai chướng, nên Duy thức nói: “Vị này chưa chứng chân như Duy thức, vì biết sáng suốt chưa được trí vô lậu”. Lại nói: “Bồ-tát ở vị này dựa vào nhân bạn lành, tác ý bốn lực vượt hơn của tư lương, nên đối với nghĩa Duy thức dù tin hiểu sâu sắc, nhưng vẫn chưa thể rõ biết chủ thể đối tượng nhận lấy không, nên đối với hai thủ đã dẫn phát phiền não, cũng chưa có công lực để chiết phục, dứt trừ, khiến bạn lành kia không khởi hiện hành của hai thủ. Nói hai thủ: Tức là hai chướng: Phiền não, sở tri, tức hạt giống của hai chướng, gọi là phiền não. Do hạt giống này theo đuổi hữu tình trôi lăn trong ba cõi, gọi là tùy, vì chỗ hằng thường ở trong thức thứ tám, nên gọi là miên”.

Hỏi: Nếu nói địa vị này không chế phục hai chướng, đó là nói giảm lược, trái với ba giáo.

1- Duy thức tự thành, đâu cần luận kia lại nói rằng: “Bồ-tát trụ trong vị Tư lương này, hai thô hiện hành dù có chế phục”.

2- Trái với kinh Hoa Nghiêm, bài tụng giải thích về Bồ-tát ở địa vị Thập Trụ rằng:

*Dứt trừ các phiền não*

*Hết hẳn không có sót.*

Mười trụ tức là thuộc về Tư lương.

3- Trái với luận Biện Trung Biên; luận ấy cũng nói: “Nay, vì xa lìa pháp chướng, đối tượng trị và vì Tu tập đạo, chủ thể trị, đối với bốn chánh đoạn, tinh tấn siêng năng tu tập, riêng tu bốn đoạn ở vị Tư lương”.

Y cứ theo văn này, đều hàng phục, dứt trừ hoặc. Vì sao luận Trung Biên quyển 9 lại nói rằng chưa hàng phục?

Đáp: Vì chướng có Câu sinh, phân biệt khác nhau.

Chướng Câu sinh: ở địa vị này hoàn toàn chưa chiết phục. Phân biệt khởi: Có chiết phục và không chiết phục. Nếu tự tư duy mà khởi, thì địa vị này có thể chiết phục; nếu do thầy tà, giáo tà mà khởi, tức chưa có khả năng chiết phục. Hoặc trái với đây, đầu tiên nói chưa chiết phục, vì

nói theo chương Câu sinh kia và giáo tà, v.v... sinh khởi. Sau nói chiết phục, y cứ ở phân biệt công sức v.v... của mình khởi. Nghĩa của luận Trung Biên, so sánh cũng đồng”.

Hội kinh Hoa Nghiêm nói: “Có hai nghĩa”:

1- Y cứ vào phân biệt về tự, v.v... khởi, thì dứt trừ hẳn phiền não, chẳng phải nói vị này đã cùng tận xong; nếu tất cả hoặc khởi, thì vị này thật sự dứt trừ; sao không vào lúc này liền thành Chánh giác? Sau vượt qua mười địa mới được thành Phật ư? Nên đối với riêng, các giáo không có trái, vị Gia hạnh kia đã trải qua Tư lương, tu đủ phước, trí, mà rèn luyện tâm xong, đã có năng lực vượt trội, muốn vào kiến đạo mà hàng phục được hai chương phân biệt.

2- Hai chương Câu sinh cũng chưa hoàn toàn hàng phục, hạt giống của hai thứ Câu sinh, phân biệt, đều hoàn toàn chưa dứt, vì chưa chứng đắc chân vô lậu; quán hữu lậu, vì tâm có sở đắc, vì có phân biệt, nên chưa hàng phục diệt trừ hoàn toàn.

Hai giai vị trước này, đều dùng trí hữu lậu gia hạnh mà vẫn có thể hàng phục hoặc.

Hỏi: Trí hữu lậu này do năng lực nào mà hàng phục được hoặc ư?

Đáp: Như luận Du-già chép: “Do tu ba năng lực đối trị, nên có khả năng chiết phục phiền não”.

1- Nhận biết rõ về bệnh lỗi lầm của tự tánh phiền não; biết công năng phát nghiệp, công năng chiêu cảm khổ não của hai đời: hiện tại và mai sau.

Tư duy đối trị tương cảnh đối tượng duyên; học quán hai không đã làm sáng tỏ chân như.

2- Do tâm từ của phẩm lành vượt hơn, nối tiếp nhau, tu sáu độ, v.v... do thắm nhuần ở tâm, phải biết đây là dứt trừ hẳn đạo thực hành trước chánh kiến.

Kế là, vị Thông đạt: Tướng chân khác nhau; chân kiến đạo kia có thể dứt hết hạt giống hai chương phân biệt phiền não, sở tri của ba cõi kia, được nhập Sơ Địa.

Dứt trừ hành tướng: Luận Đối pháp chép: Hỏi: Từ đâu mà được dứt chương ư?

Đáp: “Không từ quá khứ, vì đã diệt; không từ vị lai, vì chưa sinh; không từ hiện tại, vì đạo không đều có, nhưng từ các phiền não thô nặng mà được, gọi là đoạn”.

Vì dứt trừ tánh chất thô nặng của phẩm như thế, như thế, khởi đối

phẩm trị như thế như thế. Nếu đối trị của phẩm này sinh, thì tánh chất thô nặng của phẩm này diệt, bình đẳng, bình đẳng, cũng như ở thế gian, ánh sáng sinh, bóng tối diệt. Vì lìa trôi buộc của phẩm này, nên cho phiền não vị lai ở trong pháp không sinh, đó gọi là Đoạn.

Nay, theo câu hỏi để giải thích: “Đối tượng dứt của thô nặng và đạo, chủ thể trị mà đều chẳng phải một. Lập lại rằng: “Như thế”, khi chủ thể trị sinh ra thì đối tượng trị sẽ diệt. Khi sinh đồng với diệt là một bình đẳng; lúc diệt đồng với sinh, lại một bình đẳng, là do nói lặp lại: bình đẳng, bình đẳng”.

Ý chung, không nói là đoạn ba đời. Lại, luận Du-già đầu tiên, y cứ vào môn ngăn ngừa; không dứt ba đời, đồng với luận Đối pháp. Sau, y cứ lời nói giải thích, chấp nhận dứt ba đời, tức luận Du-già chép: “Tâm chủ thể đối trị tương ứng với chánh kiến. Ở đời hiện tại, không có phiền não, ở đời quá khứ cũng không có phiền não. Sau sát-na này, tâm lìa phiền não. Ở đời vị lai cũng không có phiền não; sau, từ đây về sau, đối với đã chuyển y, đã dứt phiền não, trong thân nối tiếp nhau, đã có tâm thiện, vô ký, đên đi, thuộc về thế gian của Hậu đắc. Vị hiện nay đều lìa phiền não, cho nên, ba đời đều được gọi là đoạn.

Đại ý ở đây nói: “Y cứ vào sức tu Thánh đạo ở một thân nối nhau trước, sau, khiến cho hai thời gian của bản thức, v.v... vì được lìa phiền não, nên gọi đoạn ba đời”.

Hỏi: Chân kiến đạo kia chỉ là nhất tâm, vì sao luận Đối pháp đối với đạo, chủ thể trị, nói lặp lại như thế?.

Đáp: Vì nói theo người kiến đạo của ba tâm kia, hoặc có thể kết hợp với đạo trị của kiến tu mà nói, nên luận Du-già chép: “Các người tu hành dứt trừ phiền não, v.v... là nói chung cho tất cả thuyết dứt trừ phiền não, không chỉ có kiến đạo, mà là kiến đạo của hai tướng cũng được chia làm hai: Tướng của ba tâm ban đầu, hoặc do kiến đoạn, nghĩa là phẩm duyên v.v... tất cả thô nặng, gọi là liệt kê như trên”.

Hỏi: Phiền não của phẩm nào gọi phẩm duyên, v.v...?

**Giải thích:** “Phiền não phẩm thượng, gọi là phẩm duyên, chương của pháp phẩm thượng, gọi là phẩm Trung; hai chương phẩm hạ, gọi chung là thứ ba”.

Hỏi: Hai chương đầu tiên của phẩm thượng, sao lại nói là duyên trung?

Đáp: Vì đạo, chủ thể đoạn là phẩm hạ, trung, nên chương từ trí kia, gọi phẩm duyên trung, v.v...

Hỏi: Cứ như hai chương này chỉ chia ra phẩm thượng, hạ, sao



không lập phẩm trung thứ hai?

Đáp: Vì phẩm trung không nhất định; hoặc vì thuộc về phẩm thượng, hạ, nên không mở rộng riêng.

Vì phẩm thượng, hạ không như thế, nên không gồm nhau, tức trong kinh chỉ nói có năng lực thượng, hạ của căn, không nói năng lực trung, ý này cũng vậy.

Hoặc, đối tượng đoạn của mười sáu tâm sau: đây cũng có hai thứ, gọi chủ thể, đối tượng nhận lấy và hai thứ để phẩm thượng, hạ khác nhau. Nhưng số hoặc, đối tượng đoạn là đồng, không khác. Nay, chỉ y cứ vào chủ thể, đối tượng lấy để quán, luận Đối pháp chép: “Nghĩa là phẩm hạ của khổ để có bốn thứ tâm: 1- Khổ pháp trí nhãn, nghĩa là quán chân như của khổ để ba cõi, chánh đoạn, do kiến khổ đoạn của ba cõi; hai mươi tám thứ phiền não phân biệt”.

**Giải thích:** “Khổ để cõi Dục có mười phiền não, nghĩa là khổ để hai cõi trên mười căn bản đều chín. Vì phẩm thượng không có giận, cho nên ba cõi chỉ có hai mươi tám. Khổ để của ba cõi đã như thế; Tập, Diệt, đạo ba, kết hợp với ba cõi, mỗi cõi đều có hai mươi tám, đều chấp bốn đế, một trăm mười hai phiền não phân biệt là trừ tướng, kiến”.

Hỏi: Trong chân kiến đạo, dứt hết phân biệt, lại đâu dứt trừ có phiền não phân biệt, mà nói là tướng đoạn?

Đáp: Về mặt lý, thật sự tướng, kiến không dứt trừ phiền não, nghĩa định thích nghi đối với chân giả nói là đoạn.

Hỏi: Vì sao ở cõi trên không có giận dữ?

Đáp: Vì sự giận dữ là bất thiện; trong hai cõi trên, vì nhờ sức định, nên không có bất thiện.

Tiếp theo, trong sự Tu tập, trước chung, sau riêng. Vả lại, đoạn chung: Phiền não Câu sinh, Thất địa trở xuống thì trong các thức cũng được hiện khởi. Bát địa trở lên, mà chiết phục được cuối cùng sẽ không hiện hành. Mười địa đầy đủ rồi, khi định kim cương dụ hiện ở trước, phiền não Câu sinh đã có của ba cõi trong một sát-na, đều dứt hết trong cùng một lúc, được thành Chánh giác.

Cho nên chương kia, trong mười địa, mỗi địa đều dứt trừ dần, cho đến định Kim Cương, mới dứt hết.

Chương sở tri trong sáu thức trước, Bát địa trở lên không bao giờ hiện hành. Vì thức thứ sáu thuần túy vô lậu, nên năm thức trước dù chẳng phải vô lậu, nhưng vì thức là chủ thể dẫn phát là vô lậu, vì thế chiết phục vô lậu, nên các thức như nhãn thức, v.v... cũng không có chương của nó.

Thức thứ bảy kia, Bát địa trở lên, cũng được chấp nhận khởi, vì thức thứ sáu khi nhập Sinh không, thức thứ bảy kia tức là hữu lậu nên chướng được khởi. Nếu nhập quán pháp, thì thức thứ bảy kia, tức là trí bình đẳng, nên không cùng khởi.

Hỏi: Bồ-tát Thất địa sao không dứt trừ hạt giống của phiền não chướng kia, mà chỉ hàng phục?

Lại, trước Thất địa, đều hàng phục không khởi, có khả năng này hay không?

Đáp: Vì chướng phiền não không có chướng mười địa, cho nên không loại trừ. Do chướng ngại Niết-bàn, nên Kim cương xả hẳn. Lại, với năng lực của Bồ-tát, Sơ địa đã có khả năng đốt cháy dục, vì cứu giúp chúng sinh, nên lưu lại không bỏ. Vì Thất địa cũng khởi, nên Duy thức chép: “Chướng phiền não kia, Sơ địa trở lên, có khả năng chiết phục hết ngay, khiến không bao giờ hiện hành, như A-la-hán, do năng lực cố ý, nên trong Thất địa trước, dù hiện khởi tạm thời, nhưng vẫn không bị mất”. Lại, Nhiếp Luận chép: “để lại “hoặc”, cuối cùng “hoặc” hết, chứng trí Nhất thiết của Phật”.

Y cứ các văn này, chỉ cố ý lưu lại, chẳng phải không thể chiết phục.

Hỏi: Bồ-tát Thất địa đã thừa nhận khởi “hoặc”, lẽ ra phải bị lỗi nhiễm ư?

Đáp: Mặc dù đã khởi phiền não, nhưng vẫn không có nhiễm, nên không có lỗi.

Lấy gì để chứng minh?

Đáp: Luận Du-già quyển 78, Thâm mật, v.v... đều chép: “Các Bồ-tát này ở trong Sơ địa, quyết định đối với pháp giới của tất cả các pháp đã khéo thông đạt. Do nhân duyên này, nên Bồ-tát phải biết, mới khởi phiền não, chẳng phải không biết. Cho nên, gọi là không có tướng ô nhiễm”. Lại, nói rằng: “Vì ở trong thân mình không thể sinh khổ, nên không có lỗi lầm. Bồ-tát sinh khởi phiền não như thế, đối với cõi hữu tình có khả năng dứt trừ nhân khổ. Cho nên, Bồ-tát kia có vô lượng công đức”. Lại nói: “Nay, các Bồ-tát sinh khởi phiền não, còn hơn gốc lành của tất cả hữu tình, Thinh văn, Độc giác, v.v...”.

Theo các giáo này, dù khởi phiền não, nhưng vì không có nhiễm, nên không có lỗi.

Kế là đoạn riêng: “Thể của chướng phiền não, Mười địa không dứt trừ, lại không có khác nhau. Chướng Sở tri của họ, theo luận Du-già, kinh Thâm Mật, v.v... chép: “có mười lớp chướng. Trong Mười địa, mỗi

địa đều dứt trừ riêng, sẽ chứng mười như. Nay lược nói:

1- Chướng của tánh phàm phu. Do chướng này làm ngăn ngại tánh Thánh của Ba thừa, nên đặt tên là chướng; được nhập Sơ địa, mới dứt trừ chướng này.

Hỏi: Chướng ngại tánh phàm phu, dựa vào phân biệt hạt giống của hai chướng phiền não, và sở tri để lập. Hai chướng đã là đối tượng trừ ngay của Kiến đạo, nói về tánh phàm phu, cũng sẽ tùy thuộc vào sự dứt trừ của kiến đạo kia. Vì sao nay lại nói: “Sơ địa mới dứt trừ?”.

Đáp: Chướng ngại tánh phàm phu dù Kiến đạo dứt trừ, nhưng kiến đạo này mãi thuộc về sơ tâm của Sơ địa. Nay, nói Mười địa dứt mười chướng, ẩn giấu kiến không nói. Vì nói Sơ địa đoạn, nên cũng không có lỗi.

Hỏi: Chướng này cũng dựa vào chướng phiền não để lập, dứt trừ tánh phàm phu, phiền não cũng dứt trừ, sao chỉ nói mười chướng đều dựa vào chướng sở tri để lập? Mười địa không dứt chướng phiền não ư?

Đáp: Tánh phàm phu này dù dựa vào hai chướng, Sơ địa đều dứt trừ, tuy nhiên, ý của Đại thừa nhận lấy chướng sở tri gọi là tánh phàm phu. Lại người Nhị thừa cũng dứt trừ phiền não, sao cho sáng tỏ khác với phàm phu kia, chỉ nói “Sở tri”, chín chướng còn lại, thật sự chỉ dựa vào chướng sở tri kia để lập.

Hỏi: Câu sinh, Sở tri, Sơ địa có dứt trừ không?

Đáp: Thật sự cũng có thể dứt trừ. Luận v.v... lại nói người dứt, trước hết là nói phàm phu dứt. Về lý, thật ra Sơ địa trụ tâm xuất ly, v.v..., cũng có thể dứt chướng câu sinh kia.

2- Chướng tà hạnh, mà hạnh có thiếu, vì ba nghiệp trái phạm, nên gọi là tà hạnh. Tà hạnh này có công năng ngăn ngại giới cấm thanh tịnh kia, gọi là Chướng. Một phần chướng câu sinh, trở tri này, lúc lên Nhị địa, có khả năng dứt trừ hẳn. Chướng đã dứt ở các địa dưới, mỗi mỗi đều là một phần câu sinh trong chướng sở tri.

3- Chướng tối tăm, chặm lụt, khiến cho pháp đã tập của ba tuệ có lỗi luống dối, nên gọi là tối tăm đần độn. Lại làm ngăn ngại Tổng trì của định vượt hơn kia và ba tuệ đã phát định, v.v... vượt hơn gọi là chướng. Khi nhập Tam địa mới có thể xả.

4- Chướng hiện hành phiền não sâu kín, vì phẩm thấp nhất, nên không tác ý duyên, vì xa tùy thuộc hiện hành, nên gọi là sâu kín. Vì chướng này ngăn ngại pháp phần Bồ-đề kia, nên đặt tên là chướng, là thân kiến, v.v... trong chướng sở tri của của thức thứ sáu. Do thân kiến

này, khi xưa, phần nhiều thân kiến, phiền não chung, vì tự nhiên mà sinh, nên nay, kiến này đặt tên là phiền não, thật ra chẳng phải phiền não, khi nhập Tứ địa, thì có khả năng dứt trừ phiền não này.

5- Đối với chướng bát Niết-bàn của thừa phẩm hạ, Nhị thừa gọi là hạ, Bồ-tát đồng với Nhị thừa kia ưa thích Niết-bàn, nhằm chán nổi khổ sinh tử, nên gọi bát Niết-bàn của thừa phẩm hạ. Do đây, có thể gây trở ngại cho đạo sinh tử không có sai biệt, Niết-bàn, nên gọi là Chướng, khi nhập Ngũ địa mới dứt trừ được.

6- Chướng hiện hành tướng thô. Chấp Diệt, Đạo hai, cho là tịnh, khổ, tập là nhiễm. Chấp hai tâm này thô ở địa sau mà khởi chưa thô dứt, gọi là hiện hành thô. Do đây, có thể trở ngại cho đạo vô nhiễm tịnh, nên gọi là Chướng; khi nhập lục Địa mới dứt trừ được.

7- Chướng hiện hạnh của tướng tế, quán mười hai duyên vẫn còn thấy có sinh diệt sâu kín. Tướng sinh diệt tế mà chưa thể thô dứt, gọi là hiện hành tế. Do đây có thể gây trở ngại cho đạo vô tướng mâu nhiệm ở địa thứ bảy, nên gọi là chướng, khi nhập Thất địa mới dứt trừ được.

8- Chướng Gia hạnh trong Vô tướng: tướng sinh diệt v.v... đều không hợp tình, gọi là Vô tướng. Trí vô tướng chưa có khả năng tự tại, tùy ý tự nhiên vận hành. Nhưng vì phải gia hạnh mới được khởi, nên gọi là gia hạnh tạo tác. Do gia hạnh này gây trở ngại cho đạo vô công dụng của Bát địa, nên được gọi là chướng, nhập Bát địa rồi, thì sẽ dứt trừ hẳn.

9- Chướng không muốn thực hành trong hạnh lợi tha: cứu giúp hữu tình lìa khổ được vui, gọi là Lợi tha. Nay, chỉ cầu mong lợi mình, không ưa dẫn dắt người, gọi là không muốn thực hành trong lợi tha. Do đây có thể gây trở ngại cho bốn vô ngại giải trong Cửu địa, nên gọi là Chướng, khi nhập Cửu địa mới dứt trừ được.

10- Chướng chưa được tự tại đối với các pháp. Các công đức, v.v... sự nghiệp thần thông, tổng trì của các định, đều gọi là Pháp. Vì pháp này chẳng phải một, nên gọi là Các. Đối với pháp này chưa thể chuyên quyền, gọi là chưa tự tại. Do đây có thể gây trở ngại cho trí Đại pháp, v.v... trong mười địa, nên gọi là Chướng, khi nhập Thập địa, mới dứt trừ hết.

Trở lên dù có nhiều môn khác nhau, nhưng đều thích hợp, biện minh vị nhân thứ nhất xong.

Môn đại thứ hai, nói về quả đã được. Đầu tiên, là nói về chướng của quả kia; sau, là biểu thị rõ đặc quả. Các pháp công đức trong địa thứ mười dù đã được tự tại, nhưng vẫn còn chướng có thừa, nên chưa gọi là

rất cùng cực. Nghĩa là còn có Câu sinh, vì chương sở tri vẫn có chủng tử phiền não nhậm vận, vì chương Phật địa, nên Mười địa này không gọi là Phật, khi định Kim cương dụ hiện ở trước, chương kia đều dứt ngay; nhập vào Như Lai địa; sau làm sáng tỏ đặc quả.

Hỏi: Thời gian ba kỳ, mãi muôn hạnh đức đủ, nhân tốt lành hoàn tất, quả vượt hơn ra sao?

Đáp: Đại Bồ-đề kia vắng lặng hai pháp, vì là quả sở đắc, nên Tập Luận chép: “Đoạn ngay phiền não và chương sở tri, thành A-la-hán và thành Như Lai, chứng Đại Niết-bàn và đại Bồ-đề, là quả. Nghĩa Như Lai, La hán y chỉ Bồ-đề, v.v... là nói riêng, chẳng phải có tự thể riêng.

Nay, Niết-bàn v.v.. chia làm hai:

Trước nói về Niết-bàn

Sau, nói về Bồ-đề.

Niết bàn có rất nhiều loại nghĩa. Nay chưa dựa vào đối tượng chứng đắc của Phật, phân tích làm hai:

1- Y cứ vào Duy thức, nói về bốn thứ.

2- Y cứ vào Niết-bàn, nhằm nói về ba việc.

Nói bốn thứ là:

1- Xưa nay tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, nghĩa là lý chân như của tất cả pháp tướng, dù có khách nhiễm, mà bản tánh thanh tịnh, có vô số vô lượng công đức mầu nhiệm, không có sinh, không có diệt, trong suốt như hư không, tất cả hữu tình đều bình đẳng có chung, với tất cả pháp chẳng một, chẳng khác, là tất cả tướng, tất cả phân biệt; chỗ tâm tư diệt đường danh ngôn dứt, chỉ có bậc Thánh chân thật, tự nội tại đã chứng, tánh nó vốn vắng lặng, nên gọi là Niết-bàn.

**Giải thích:** “Tự thể xưa nay mà không phải tạp nhiễm. Dù làm y chỉ cho dụng trần phiền não mà không nhiễm gọi là vốn tịnh. Thể này tức là chân như thật tướng trong bảy chân như, nên gọi là “tướng như”. Vì các pháp vô thường, Niết-bàn là thường, nên với các pháp không được gọi là một. Lại nữa, vì tánh chân thật của các pháp này không được gọi khác; khác lẽ ra chẳng phải là tánh của các pháp, như sắc khác với tiếng; sắc chẳng phải tánh của tiếng; tánh của các pháp kia vốn vắng lặng, làm sáng tỏ tên gọi Niết-bàn, tròn đầy vắng lặng là nghĩa Niết-bàn. Hai là Niết-bàn hữu dư y, nghĩa là tức chân như ra khỏi chương phiền não, dù có đối tượng nương tựa của khổ não chưa diệt, nhưng vì chương mãi mãi vắng lặng, nên gọi là Niết-bàn”.

**Giải thích:** “Thân, đối tượng nương tựa tồn tại, gọi là hữu dư y. Phiền não trong dư y đều tận, chân lý đã sáng tỏ, gọi là hữu dư y, mà

nói: “Dù có nổi khổ nhỏ nương tựa, nghĩa là thân của quả khổ hữu lậu của dị thực, gọi là khổ rất nhỏ”.

Đây là y cứ vào Niết-bàn, hữu dư của Nhị thừa, không y cứ Phật nói: “Như Lai, hữu lậu đều dứt hết, đâu còn có khổ”.

Ba là Niết-bàn Vô dư: Nghĩa là tức chân như ra khỏi nổi khổ sinh tử. Phiền não đã hết, Dư y cũng dứt các khổ, vì mãi mãi vắng lặng, nên gọi là Niết-bàn.

Bốn là Niết-bàn Vô trụ xứ, tức chân như thoát ra ngoài chướng sở tri. Đại bi, Bát-nhã thường đã phụ giúp, do đây không trụ sinh tử, Niết-bàn, lợi lạc hữu tình, cùng tận mé vị lai, vì dụng mà thường vắng lặng, nên gọi là Niết-bàn.

**Giải thích:** “Vượt ra khỏi chướng sở tri, được đại bi, Bát-nhã, không đồng với Nhị thừa ưa bám trụ Niết-bàn; không đồng với phàm phu còn ở trong sinh tử, cả hai đều không bám trụ, nên gọi là Vô trụ. Nhưng một chân như, thể của bốn thứ kia, y cứ vào phần nghĩa. Nay, bốn nghĩa của quả Phật đều đủ”.

Hỏi: Nổi khổ hữu lậu của Như Lai nương vào thân mà hết, sao được nói là có đủ bốn thứ?

Đáp: Khổ hoặc nương tận, nói vô dư y, chẳng phải khổ dựa vào sự tồn tại, nói là hữu dư y. Cho nên, Thế Tôn có thể nói đủ bốn. Năm uẩn vô lậu gọi là y không phải khổ.

Kế là nói về ba việc nhập Niết-bàn. Y cứ vào kinh Niết-bàn chép: “Tạng bí mật cũng như ba điểm của chữ Y. Nếu xếp ngang thì không thành, xếp dọc cũng không thành, như ba mắt trên mặt của Ma-hê-thủ-la mới được thành chữ Y. Ba điểm nếu xếp riêng, cũng không được thành. Ta cũng như thế, pháp của giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn. Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn. Ba pháp đều khác, cũng chẳng phải Niết-bàn”.

Nay, ta an trụ ba pháp như thế, vì chúng sinh, gọi là Bát-nhã; đối tượng chứng: Hai không sinh, pháp là chân như, gọi là thân Như Lai. Do trí chứng lý, là các chướng nhiễm, không bị nhiễm ràng buộc, gọi là giải thoát. Nói chữ Y: Theo phương Tây nói: “Chữ Y của nước kia, có hai điểm ở trên; một điểm ở dưới. Điểm dưới dụ cho lý, vì là đối tượng nương tựa, nên hai dụ trên, đối với bát nhã, giải thoát. Vì dựa vào lý khởi, vì sao riêng ba không thành Niết-bàn? “. Đáp rằng: Niết-bàn: là nghĩa viên tịch. Nếu chỉ có Bát-nhã, thì chân như chưa chứng, chướng chưa giải thoát, đâu gọi là viên tịch? Nếu chỉ có chân lý, thì trí là chủ thể chứng không có, cái gì gọi viên tịch? Thế nên, ba biệt không gọi

Niết-bàn. Ý chung của lời nói này, không được khác, ba pháp đều cùng lúc, mới gọi là nhập Đại Niết-bàn. Trí là hữu vi; lý tức vô vi; lý trí là thật, vì giải thoát là giả, nên chẳng phải tức một; hữu vi, vô vi, giả, thật khác nhau. Trí là chủ thể chứng; lý là đối tượng chứng. Vì giải thoát là ràng buộc, nên không được khác, vì nếu riêng khác, thì trí sẽ chứng về cái gì gọi là chủ thể chứng? Về lý bình đẳng, cứ như đây, nên biết ba việc không được chia từng điều khác nhau. Như thế, mới gọi là nhập Đại Niết-bàn”.

Về nghĩa của Niết-bàn, sự ấy thật nhiều, vì e văn nhiều rộng, nên không dẫn hết.

Kế là nói về Bồ-đề, được chia làm hai: đầu tiên, là nói về Bồ-đề; sau nói về sự gồm thâu nhau của thân.

Hạt giống Bồ-đề có từ vô thủy, chỉ vì bị hai chướng che lấp, khiến không được khởi, mười địa tu tập, hàng phục dứt trừ suốt ba kỳ, đến địa vị Kim Cương, hai chướng đều hết, Trí từ hạt giống sinh, được gọi là Bồ-đề, tức phẩm Bồ-đề tương ứng tâm này, gồm có bốn thứ, nên luận Phật Địa, v.v... chép:

1- Phẩm Đại Viên cảnh trí tương ứng tâm nói: “Phẩm tâm này là các phân biệt về đối tượng duyên ( sở duyên), hành tướng rất sâu kín khó biết; không quên, không ngu, tướng của tất cả cảnh, là các tạp nhiễm, đức viên thuần tịnh, không có giảm, không có đoạn, cùng tận đời vị lai, như tấm gương tròn to, hiện các hình ảnh”.

**Giải thích:** “ Cùng lúc với trí, tâm sở chẳng phải một, gọi chung là phẩm Tâm. Các lối chấp ngã, pháp, v.v... và chủ thể, đối tượng chấp lấy. Những thứ này đều không thật có, gọi là lìa phân biệt. Chủ thể duyên, đối tượng duyên đều không thể trắc nghiệm, nên gọi là sâu kín, mà vì đối với cảnh ấy, không si mê, không tối tăm, nên gọi là không ngu. Tất cả hiện tiền không quên mất, gọi là không quên. Hữu lậu mãi mãi dứt hết, gọi là lìa nhiễm. Không xen lẫn, gọi thuần túy, lìa lỗi gọi là tịnh, vì đức tịnh đầy đủ, nên được gọi là viên; ở tất cả mọi nơi có khả năng hóa hiện thân, cõi, gọi là không có gián cách; vì nối tiếp nhau hiển hiện trong thời gian dài mà không thôi dứt, nên gọi là không có xen hở, như tấm gương soi sáng lớn, mới cảnh tượng gởi hình tích khởi. Nay, nương tựa trí này, hình ảnh cõi nước sinh. Vì pháp đối đãi dụ sáng suốt, nên gọi là viên cảnh”.

2- Bình đẳng tánh trí tương ứng với phẩm tâm. Nghĩa là phẩm tâm này quán tất cả pháp mình người, hữu tình đều bình đẳng. Đại từ bi bình đẳng, thường tương ứng chung một vị nối tiếp nhau tận cùng đời vị lai.

3- Phẩm Tâm tương ứng với trí diệu quán sát. Nghĩa là Tâm này khéo quán sát tự tướng, tướng của các pháp chuyển biến không có chương ngại; gồm thâm quán vô lượng môn định tổng trì và thường phát sinh công đức châu báu. Đối với hội Đại thừa, có thể hiện vô biên tác dụng khác nhau, đều được tự tại. Mưa trên mưa châu báu lớn, dứt trừ tất cả nghi, khiến cho các hữu tình đều được lợi ích, yên vui.

**Giải thích:** công dụng thần thông vô phương, gọi là Diệu; duyên khắp các cảnh, gọi là quán sát. Pháp của sáu độ, gọi là châu báu. Vì nhân định khởi, nên gọi là phát sinh.

4- Phẩm tâm tương ứng với trí Thành sở tác. Nghĩa là phẩm Tâm này vì muốn đem lại lợi ích, yên vui cho các hữu tình, thì nên thị hiện các thứ biến hóa ba nghiệp, trở thành năng lực bản nguyện, đối với việc đáng nên làm.

**Giải thích:** Ba nghiệp biến hóa, v.v... là việc đã làm, trí có khả năng thành tựu việc đó, gọi là trí Thành sở tác.

Hỏi: Bốn trí này là thể tức thức, hay không phải như vậy?

Đáp: Như thứ lớp, vì trí này tương ứng với năm thức trước, sáu, bảy, thứ 8 kia, không phải thể tức thức, vì vua khác với quan, nên thức là vị vua kia, vì trí là sở.

Hỏi: Vì sao trong luận Phật Địa, Trang Nghiêm, Nhiếp luận, v.v... đều nói rằng: “Chuyển tám thức kia được bốn trí ư?”

Đáp: Trong Duy thức, có hai cách giải thích:

1- Trí dù chẳng phải thức, mà y thức chuyển, vì thức là chủ, nên nói chuyển thức được.

2- Nếu ở vị hữu lậu, trí kém, thức mạnh; trong vị vô lậu, trí mạnh, thức yếu, vì khuyến hữu tình nương tựa trí, xả bỏ thức, nên nói chuyển tám thức mà được bốn trí, về mặt lý, thật sự chẳng phải dùng thức làm trí.

Hỏi: Trí Vô lậu mạnh, thì đâu cần đến thức? Lại, lấy gì để chứng minh quả Phật có thức?

Đáp: Thông thường nói tâm sở, tất nhiên dựa vào tâm vương. Nếu không có thức kia, thì trí nọ dựa vào đâu mà lập? Lại, y cứ kinh Như Lai Công Đức Trang nghiêm chép: “Như Lai vô cấu thức là cõi vô lậu tịnh, giải thoát tất cả chương, tương ứng với trí Viên cảnh. Theo văn kinh này, há Phật không có thức hay sao?”

Hỏi: Bốn thứ trí này có bao nhiêu thứ chung cho nhân quả? Và chỉ có quả ư?

Đáp: Viên cảnh thành sự, thành thật mới được. diệu quán bình



đẳng, tức phần trong Sơ địa, v.v... được quả Phật viên mãn.

Hỏi: Phẩm giống như phẩm loại. Bốn trí nói phẩm, có bao nhiêu phẩm loại?

Đáp: Mỗi phẩm đều quyết định có hai mươi hai, hai mươi hai nghĩa là năm biến hành, năm Biệt cảnh; mười một thiện và một tâm vương, thành hai mươi hai.

Danh, nghĩa của hai mươi hai pháp ra sao?

Đáp: Năm Biến hành: Vì thể khắp ba cõi, ba tánh, các thức, nên gọi là biến hành. Năm biến hành là:

1- Khiến tâm, tâm sở vì tiếp xúc với cảnh, nên gọi là Xúc.

2- Có công năng cảnh giác nên khởi hạt giống tâm, vì dẫn phát thu hưởng cảnh, nên gọi là tác ý.

3- Vì nhận lãnh, chấp nhận cảnh trong thuận, nghịch nên gọi là Thọ.

4- Vì đối với cảnh, an lập, phân chia giới hạn, nhận lấy cảnh tượng, nên gọi là Tưởng.

5- Vì khiến tâm tạo nên việc lành, dữ, v.v... nên gọi là Tư.

Nói Biệt cảnh: cảnh bị khuất phục này, chẳng phải là một. Vì duyên cảnh riêng khác, nên gọi là Biệt cảnh. Năm biệt cảnh là:

1- Đối với cảnh đối tượng vui, mong muốn gọi là dục.

2- Đối với cảnh quyết định, bằng lòng, gọi là thắng giải.

3- Đối với cảnh từng tập, ghi nhận sáng suốt gọi là niệm.

4- Đối với cảnh sở quán ( đối tượng quán), chuyên chú gọi là định.

5- Đối với cảnh sở quán, phân biệt lựa chọn, gọi là tuệ.

Nói thiện, v.v... Vì có thể thuận theo lợi ích đời này, đời khác, nên gọi là thiện. Thiện có mười một món là:

1- Có thể đời với Tam bảo, bốn đế, đức chân tịnh, nhẫn sâu, tâm ưa muốn thanh tịnh, gọi là tín.

2- Vì tôn sùng, kính trọng bậc Hiền thiện, nên gọi là Tàm (hổ).

3- Khinh thường, chống đối, bạo ác, gọi là quý ( thẹn).

4- Vì đối với ba cõi, v.v... không ham thích chấp mắc, nên gọi là không có tham ( vô tham).

5- Đối với sự, v.v.. khổ, không sinh giận, gọi là Vô sân.

6- Hiểu rõ về sự lý, gọi là vô si.

7- Vì siêng tu việc lành, siêng dứt pháp ác, có khả năng quyết định mạnh mẽ, nên gọi là tinh tấn.

8- Vì xa lìa thân tâm thô nặng, điều hòa thích hợp, gọi là khinh

an.

9- Ngăn ngừa điều ác, tu việc lành, gọi là không buông lung.

10- Khiến tâm bình đẳng, ngay thẳng, trụ trong vô công dụng, gọi là hành xả.

11- Vì không gây tổn hại hữu tình, nên gọi là bất hại.

Hỏi: Pháp biến hành, v.v... phạm phu, v.v... có. Về mặt lý thì không có nghi, sao quả Phật cũng có pháp này?

Đáp: Vì cùng khắp tất cả tâm, thường tương ứng, gọi là biến hành, nên Phật tất nhiên có; nếu Phật không có, thì làm sao gọi là biến hành?

Mười một tâm thiện như: Tín, v.v... tất nhiên là có. Vì Phật chỉ là thiện, nên có tín, v.v... Vì Như Lai thường ưa chứng cảnh sở quán, nên có Dục. Đối với cảnh sở quán, vì thường khắc ghi dấu vết để gìn giữ, nên có thắng giải. Đối với cảnh đã có thọ lãnh, vì thường ghi nhận sáng suốt, nên cũng được có niệm. Thế Tôn vì không có tâm bất tịnh, nên cũng được có định, vì đối với tất cả pháp, thường quyết định lựa chọn, nên có tuệ kia.

Hỏi: Thân Như Lai có vô biên đức, vì sao chỉ nói hai mươi hai?

Đáp: Hai mươi hai này gồm thâu tất cả công đức hữu vi của Phật, không thiếu. Căn cứ vào hai mươi hai pháp này đã kiến lập, lập ra các thứ tên gọi, không phải lia ngoài hai mươi hai pháp này mà có tự thể riêng.

Hai thân gồm thâu nhau: Đầu tiên, giải thích về thân; sau là nói về gồm thâu lẫn nhau.

Thân Phật, khác nhau, mà có ba thứ:

1- Pháp thân. Nghĩa là Pháp thân chân tịnh của các Như Lai, đủ công đức chân tịnh vô biên tế, là thật tánh bình đẳng của tất cả các pháp, tức thật tánh này là đối tượng y chỉ của pháp công đức lớn, gọi là pháp thân. Nghĩa y chỉ là nghĩa thân. Lại, pháp thân này chỉ có thường, lạc, ngã, tịnh chân thật, lìa các ô nhiễm lẫn lộn; công đức vô vi, đối tượng nương tựa của các việc lành, không có tướng dụng khác nhau như tâm, sắc, v.v... Lại, chính là tự lợi, vắng lặng an vui, không có động tác, cũng gồm cả lợi tha, là tăng thượng duyên, khiến cho các hữu tình được lợi ích an vui ở trong cõi Pháp tánh. Tuy thân và cõi này thể không khác nhau, mà thuộc về Phật pháp, tánh tướng khác nhau. Y cứ vào tánh gọi là cõi, đây là chỗ nương tựa, y cứ vào tướng gọi là Phật, đây là Năng y chỉ. Lại thân và cõi này đều chẳng phải Sắc, tuy không thể nói hình tướng lớn nhỏ, nhưng tùy theo sự tướng mà hình lượng vô biên, thí như

hư không cùng khắp tất cả, do pháp sở biến mà thành vô lượng. Pháp năng biến này cũng gọi là Vô lượng.

2- Thân thọ dụng: Có hai loại: một là thân tự thọ dụng, vô biên công đức chân thật và sắc thân thanh tịnh mà Như Lai đã tu trong ba vô số kiếp nối nhau vắng lặng tận mé vị lai, thường tự thọ dụng pháp lạc rộng lớn để tự thọ vui, gọi là Tự thọ dụng. Lại chỉ tự lợi, không nói pháp cho người khác nghe, ở cõi tự dụng, do nhân duyên công đức tự lợi đã tu thuở xưa mà thành. Từ lúc mới thành Phật đến cùng tận đời vị lai nối nhau biến thành cõi Phật thuần tịnh, tròn khắp không bờ mé, các báu trang nghiêm, thân tự thọ dụng thường nương đó mà an trụ. Như lượng của tịnh độ, lượng của thân cũng vậy. Các căn như mắt, v.v... và các tướng tốt mỗi mỗi đều vô biên, do gốc lành vô hạn dẫn sinh ra. Lại, công đức trí tuệ đã chẳng phải sắc pháp, tuy không thể nói hình tượng lớn nhỏ nhưng nương vào lý sở chứng và thân sở y cũng có thể nói trùm khắp tất cả mọi nơi. Hai là thân tha thọ dụng: nghĩa là các Như Lai thị hiện thân mẫu nhiệm, vì các chúng Bồ-tát Thập Địa mà hiện thân thông nói pháp, xé rách các lưới nghi, khiến cho họ được thọ dụng pháp lạc Đại thừa, gọi là Tha thọ dụng. Lại có vô biên tương tự sắc tâm, v.v... làm lợi ích tha thọ dụng công đức hóa tướng. Lại chỉ có lợi tha, vì người mà hiện, cư trú ở cõi mình, do nhân duyên lợi tha vô lậu cõi Phật thuần tịnh đã tu ở quá khứ thành tựu, tùy theo ý thích của Bồ-tát Thập Trụ mà biến thành tịnh độ, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc hơn hoặc kém trước sau biến chuyển, thân tha thọ dụng nương đó mà an trụ. Thân lượng năng y cũng không có hạn lượng nhất định, hợp hai thân thọ dụng tự và tha này gọi chung là thọ dụng. Ba thân biến hóa nghĩa là các Như Lai biến hiện vô lượng tùy loại hóa thân, vì các chúng Bồ-tát chưa Đăng Địa, Nhị thừa, dị sinh, xứng với cơ nghi của họ mà hiện thân thông nói pháp, khiến cho tất cả đều được các việc lợi lạc, phương tiện thị hiện, gọi là thân biến hóa. Đây đủ vô biên công đức hóa tướng lợi lạc tha dụng dường như sắc tâm, v.v... chỉ thuộc về lợi tha, vì lợi tha mà hiện, trụ ở cõi biến hóa, do các nhân duyên cõi Phật tịnh ược lợi tha vô lậu mà thuở xưa đã tu, tùy theo sự thích nghi của các hữu tình chưa đăng địa mà hóa thành cõi Phật, hoặc tịnh hoặc ược, hoặc lớn hoặc nhỏ, trước sau biến đổi, thân biến hóa của Phật nương vào đó mà trụ, thân lượng năng y cũng không có hạn lượng nhất định.

Kế là nói thuộc về tướng nào, ba thân này và năm pháp nhiếp nhau thế nào? Đáp: một loại chân như thuộc về pháp thân. Vì sao? Vì luận Tán Phật, kinh Giải Thâm Mật, luận Du-già, luận Bát-nhã Thiên

Thân, v.v... đều nói pháp thân vô sinh vô diệt, chỉ có thể chân như vô sinh vô diệt. Lại luận Phật Địa, Đối Pháp, Nhiếp Đại Thừa, v.v... đều nói Pháp thân Phật thì chư Phật đều có, lý chân như chư Phật đều có, những thứ còn lại thì không như thế, nếu như thế thì vì sao trong Nhiếp Luận nói chuyển tạng thức được pháp thân? Đáp: Trong thức thứ tám có chứa đựng hạt giống của hai chướng, nghĩa là do diệt được hạt giống của hai chướng này mới hiển bày pháp thân. Theo đây cho nên nói chuyển tạng thức được, thật ra chẳng phải cho Thức là pháp thân. Hai là trong bốn trí như Viên Cảnh, v.v... có sắc thân thường khắp do cảnh trí của công đức chân thật khởi lên, thuộc về tự thọ dụng. Vì sao mà biết? Luận Trang Nghiêm nói: Trí Đại viên cảnh là thân thọ dụng, Nhiếp luận cũng chép: chuyển các chuyển thức được thân thọ dụng, cho nên biết đều lấy Tứ trí tâm phẩm thật có sắc tâm làm thể thọ dụng. Ba là thân Phật do trí bình đẳng hiện ra thuộc về tha thọ dụng. Các thứ thân tướng tùy loại do trí Thành sở tác hiện ra thuộc về thân biến hóa. Tất cả sắc tâm của hai thân này đều dường như chẳng phải thật. Vì sao? Vì đều là thị hiện phương tiện hóa tha, không thể nói thật trí là thể.

Hành vị của Nhất thừa lý sâu mà sự rộng, nếu chẳng phải viên đức thì còn nói gì được? Cho nên Đại Giai, v.v... giác thì Cốc Nguyệt vẫn còn mê, Thanh văn tiểu vị hạt châu trong túi áo còn bị che lấp, trí kia vẫn như, hưởng chi điếc mà đánh trống. Chỉ vì sóng từ biển mà nổi dậy, ánh sáng các thừa ngày càng rực rỡ, chúng sinh đã như thế, pháp đâu chẳng có. Cho nên gá vào lời Thánh biên thành thứ lớp, đều là những lời tốt, mong tu hành có mối manh, ý chí này chưa cùng cực, cho nên trùng tụng rằng: Vì nương lời các Thánh, nói hành vị Đại thừa, mong phước các hữu tình, thường trụ thành Đẳng giác.

Chương này thật là cửa ngõ để ra khỏi khổ, mở bày thêm cấp để vào đạo, là mắt và chân của người tu hành, là tim gan của người năng thuyền. Cho nên nhiều năm nay tuy pháp nguyện in ấn truyền rộng khắp gần xa, trong trai đường thương không một bát, ngoài ba y không chứa để một thứ gì, do đó tôi ôm ấp trí lưu thông. Khi chưa đến chỗ điều khác thì nay nhờ sự giúp đỡ của một người trong viện Nhất thừa, bỗng khơi dậy bốn nguyện đã ôm ấp nhiều năm, thật là do thuận cảm đưa đến. Kính mong ai được cầu lấy xem đến, đồng ích lợi cho hạt giống bản tánh, đọc văn hiểu nghĩa, mau thành quả Bồ-đề mà thôi.

Một ngày tháng 3 năm Tân Mùi niên hiệu Văn Vĩnh năm thứ 8, nguyện chủ là Sa-môn Duệ Tôn chùa Tây Đại chỉ vì chánh pháp tồn tại lâu dài, lợi ích hữu tình mà thôi.